

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Khoản vay 2750/2751-VIE
DỰ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
(MÔ HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỚI)**

Báo Cáo Đánh Giá Độc Lập Tái Định Cư - Lần 7
Kỳ báo cáo: Quý 2,2014

Chuẩn bị bởi: Tư vấn đánh giá Tái định cư độc lập

Hà Nội, tháng 7 năm 2014

Chữ viết tắt

ADB	-	Ngân hàng Phát triển Châu Á
Ban QLDAĐHKHCN Hà Nội	-	Ban quản lý dự án Đại học Khoa học Công nghệ Hà Nội
Ban QLKCNC Hòa Lạc	-	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc
BAH	-	Bị ảnh hưởng
Bộ GDĐT	-	Bộ Giáo dục và đào tạo
Bộ KHCN	-	Bộ Khoa học – Công nghệ
CNCHL-QHXDMT	-	Công nghệ cao Hòa Lạc – Quy hoạch xây dựng môi trường
DMS	-	Khảo sát đo đạc chi tiết
Dự án ĐHKHCN Hà Nội	-	Dự án Đại học Khoa học Công nghệ Hà Nội
Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất	-	Hội đồng Điều bù Hỗ trợ Tái định cư huyện Thạch Thất
JICA	-	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
GPMB	-	Giải phóng mặt bằng
ND-CP	-	Nghị định – Chính phủ
SPS	-	Tuyên bố chính sách an toàn (ADB)
Kế hoạch TĐC	-	Kế hoạch tái định cư
Khu CNC Hòa Lạc	-	Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
QD	-	Quyết định
SES	-	Khảo sát kinh tế xã hội
STC	-	Sở Tài chính
TNMT	-	Tài nguyên môi trường
TP. Hà Nội	-	Thành phố Hà Nội
Trường ĐHKHCN Hà Nội	-	Trường ĐHKHCN Hà Nội
TT-BTNMT	-	Thông tư – Bộ Tài nguyên Môi trường
UBND	-	Ủy ban Nhân dân
USD	-	Đồng Đô la Mỹ
VND	-	Việt Nam đồng

Mục lục

I.	Giới thiệu	1
II.	Phương pháp tiếp cận và tổ chức thực hiện	3
A.	Phương pháp	3
B.	Tổ chức thực hiện	3
C.	Hạn chế và giải pháp khắc phục	4
III.	Phát hiện và Đánh giá	5
A.	Phạm vi và quy mô tái định cư của Dự án	5
B.	Tiến độ thực hiện tái định cư	6
C.	Tham vấn cộng đồng và nhận biết chính sách TĐC, quyền lợi của người BAH	10
D.	Kiểm đếm tài sản BAH và thanh toán đền bù theo Chính sách trong Kế hoạch TĐC	10
E.	Phối hợp thực hiện các hoạt động tái định cư với lịch trình xây dựng	11
F.	Các thủ tục thu hồi và chuyển giao đất	12
G.	Xây dựng/tái xây dựng nhà và các công trình thay thế trên khu đất còn lại hoặc di dời đến khu vực mới	12
H.	Mức độ thỏa mãn của những người bị ảnh hưởng với các quy định và việc thực hiện Kế hoạch TĐC	13
I.	Đền bù tranh chấp (các tài liệu, tiến độ, phương thức giải quyết và mức độ thỏa mãn của những người bị ảnh hưởng).	13
J.	Tính hiệu quả và bền vững của các biện pháp trao quyền và phục hồi thu nhập cho những người bị ảnh hưởng	13
K.	Các ảnh hưởng và chiến lược về giới	14
L.	Khả năng của những người bị ảnh hưởng, đặc biệt là hộ gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng và có nguy cơ tổn thương, có thể phục hồi/tái thiết cuộc sống và mức sống.	15
M.	Tác động của tái định cư gây ra trong quá trình thực hiện các hoạt động xây dựng	16
N.	Sự tham gia của những người bị ảnh hưởng vào việc lên kế hoạch, cập nhật và thực hiện Kế hoạch TĐC	16
O.	Năng lực thể chế, giám sát nội bộ và báo cáo	16
P.	Nguồn tiền và dòng tiền để thanh toán bồi thường và hỗ trợ cho những người BAH hoặc những người BAH bị di dời	17
Q.	Giá thay thế	17
R.	Bố trí khu tái định cư	17
IV.	Đề xuất và Khuyến nghị	18
A.	Thu hồi và bàn giao đất	18
B.	Chi trả đền bù	18
C.	Hợp đồng Tư vấn đánh giá độc lập TĐC	18
D.	Các chương trình phục hồi thu nhập	18
E.	Thực hiện các hoạt động chuẩn bị	19
F.	Sự phối hợp với các hoạt động xây dựng	19

Danh sách các bảng

Bảng 1: Tổng hợp thực hiện các hoạt động khảo sát đánh giá TĐC độc lập Lần 6 (4/2014)	4
Bảng 2: Tổng hợp phạm vi và quy mô TĐC của Dự án ĐHKHCN Hà Nội	6
Bảng 3: Tổng hợp chi trả đền bù và hỗ trợ TĐC (30/3/2014)	8
Bảng 4: Tổng hợp tiến độ thu hồi và bàn giao đất tại khu ĐHKHCN Hà Nội khu TĐC quân đội (Quý 1/2014)	9
Bảng 5: Tổng hợp tiến độ thu hồi và bàn giao các khu đất (Quý 1/2014)	9
Bảng 6: Tổng hợp đơn giá đền bù (năm 2014)	11
Bảng 7: Tổng hợp sự thay đổi nguồn thu nhập chính từ các hoạt động TTCN, kinh doanh, buôn bán, của hộ BAH trước và sau khi nhận đền bù hỗ trợ tái định cư	14
Bảng 8: Tổng hợp các ảnh hưởng về giới	15
Bảng 9: Tổng hợp sự thay đổi nguồn thu nhập chính từ các hoạt động TTCN, kinh doanh, buôn bán, của hộ BAH trước và sau khi nhận đền bù hỗ trợ tái định cư	15
Bảng 10: Tổng hợp đơn giá đền bù theo QĐ của UBND TP. Hà Nội (năm 2014) so với đơn giá thay thế theo khảo sát của Tư vấn đánh giá độc lập TĐC (tháng 4/2014)	17

Danh sách các hình

Hình 1: Sơ đồ vị trí các khu vực ảnh hưởng TĐC của Dự án	5
Hình 2: Vị trí khu đất 46 ha (màu vàng) bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội	7
Hình 3: Đường nội bộ và nhà văn hóa tại khu TĐC	18

Phụ lục

- Phụ lục 1: Danh sách cán bộ đã làm việc với Tư vấn
- Phụ lục 2: Bảng hỏi khảo sát hộ gia đình
- Phụ lục 3: Danh sách hộ BAH tại xã Tân Xã và Bình Yên

I. Giới thiệu

1. Dự án Xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (Dự án) được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) với số vốn đầu tư là 210 triệu USD. Mục tiêu của Dự án bao gồm: (i) thiết lập và thí điểm một khung chính sách mới cho việc quản trị, tài chính và bảo đảm chất lượng các trường đại học nghiên cứu theo mô hình mới; (ii) thành lập và xây dựng trường đại học đóng vai trò là các trung tâm nghiên cứu và giảng dạy chất lượng cao, tạo ra sự kết hợp năng động giữa nghiên cứu và giảng dạy thông qua việc tăng cường mối liên kết giữa trường đại học - ngành nghề trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, cũng như giới thiệu “mô hình hợp tác công-tư” của các trường đại học/viện nghiên cứu. Theo kế hoạch, Dự án được thực hiện trong thời gian 05 năm (2011-2017) với 04 kết quả sau đây:

- *Kết quả A:* Khung chính sách và điều tiết: Thực hiện các thỏa thuận tổ chức cụ thể liên quan tới quy trình quản lý, tài chính và bảo đảm chất lượng của các trường đại học kiểu mới.
- *Kết quả B:* Phát triển đào tạo và hoạt động nghiên cứu - triển khai: Thiết lập hệ thống đào tạo nhằm đạt được sự xuất sắc trong đào tạo và nghiên cứu, bảo đảm chất lượng và sự tham gia các ngành nghề công nghiệp trong mỗi trường đại học.
- *Kết quả C:* Xây dựng trường sở và cung cấp trang thiết bị. Thiết kế, xây dựng và cung cấp trang thiết bị cho trường đại học nghiên cứu kiểu mới.
- *Kết quả D:* Quản lý việc thực hiện dự án: quản lý dự án, điều phối các hoạt động dự án, và giám sát kết quả cũng như việc thực hiện.

2. Dự án được xây dựng trên khu đất 65 ha trong Khu CNC Hòa Lạc¹. Việc thực hiện Kết quả C của Dự án sẽ dẫn đến các tác động tái định cư (TĐC) không tự nguyện đối với đất đai, hoa màu và cây cối của các hộ gia đình, cơ quan và tổ chức tại: (i) khu 65 ha [26 ha tại xã Tân Xã và 39 ha tại xã Thạch Hòa hiện do 02 đơn vị quân đội quản lý và sử dụng]; và (ii) khu 52,7 ha tại xã Bình Yên để bố trí vị trí đóng quân mới cho 02 đơn vị quân đội.

3. Kế hoạch TĐC của Dự án đã được hoàn thành tháng 11/2010. Hoạt động chi trả đền bù hỗ trợ TĐC và thu hồi đất đã được thực hiện đối với một phần diện tích đất nông nghiệp và đất rừng thuộc khu 26 ha trong năm 2008 do diện tích này nằm trong phạm vi khu đất cần thu hồi để phục vụ cho Dự án phát triển Khu CNC Hòa Lạc. Các hoạt động chi trả đền bù hỗ trợ TĐC theo Kế hoạch TĐC tại khu đất này được khởi động lại và được thực hiện liên tục kể từ năm 2012 tới nay.

4. Kế hoạch TĐC cập nhật của Dự án đã được Ngân hàng ADB chấp thuận tháng 9/2013 và được Bộ GDĐT phê duyệt tháng 10/2013. Về cơ bản, không có sự khác biệt giữa các chính sách và quyền lợi của người BAH theo Kế hoạch TĐC cập nhật và Kế hoạch TĐC (11/2010), tuy nhiên phạm vi ảnh hưởng cũng như kinh phí thực hiện Kế hoạch TĐC của Dự án do việc bổ sung phần diện tích đất cần thu hồi (52,7 ha tại xã Bình Yên) để bố trí vị trí đóng quân mới cho 02 đơn vị bộ đội bị thu hồi đất (39 ha tại xã Thạch Hòa). Tổng kinh phí dự kiến chi cho thực hiện Kế hoạch TĐC dự tính là 24,4 triệu USD, (tăng gần 6 lần so với dự kiến ban đầu).

5. Đánh giá độc lập TĐC cho thấy, các hoạt động TĐC của Dự án trong thời gian qua về cơ bản đáp ứng theo yêu cầu ghi trong Báo cáo TĐC cập nhật và theo Chính sách của ADB (SPS 2009) về an toàn TĐC. Trong thời gian qua, với sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Tài Chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND TP. Hà Nội, UBND huyện Thạch Thất trong việc bố trí nguồn vốn cần thiết cho hoạt động chi trả đền bù hỗ trợ TĐC, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và Ban QLDA Khu CNC Hòa Lạc đã tích cực triển khai các hoạt động theo kế hoạch.

6. Trong Quý 2/2014, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất đã chi trả đền bù cho 19 hộ bị mất đất nông nghiệp tại xã Bình Yên với tổng diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi là 2,6 ha. Từ 1-

¹Khu CNC Hòa Lạc được quy hoạch có tổng diện tích 1.586 ha, bao gồm diện tích đất của các xã: Thạch Hòa; Tân Xã; Hạ Bằng; Đồng Trúc (huyện Thạch Thất) và xã Phú Cát (huyện Quốc Oai) TP. Hà Nội.

15/7/2014, Hội đồng ĐBHTTĐC đã thu hồi thêm được 3.6 ha (24 hộ). Như vậy, tính tới 15/7/2014 tổng diện tích đất nông nghiệp và đất công của UBND các xã Tân Xã và Bình Yên đã được thu hồi là 67,8 ha (26 ha đất tại xã Tân Xã và 41,8 ha đất tại xã Bình Yên). Phần diện tích đất nông nghiệp và đất ở còn lại cần thu hồi trong thời gian tới của các hộ dân tại xã Bình Yên là 10,9 ha.

7. Trong quý 2/2014 không có hoạt động bàn giao đất sạch nào cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội và 02 đơn vị bộ đội được thực hiện. Tổng diện tích đất sạch đã bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội là 46 ha (tương đương 70.7% tổng diện tích đất cần bố trí cho Dự án [65 ha]). Trong đó, 26 ha (xã Tân Xã) và 20 ha đất (khu 39 ha do 02 đơn vị bộ đội quản lý).

II. Phương pháp tiếp cận và tổ chức thực hiện

A. Phương pháp và tổ chức thực

8. Các phương pháp đánh giá độc lập đã được thực hiện trong đợt đánh giá lần 7 tương tự như các phương pháp đã áp dụng trong các đợt đánh giá trước đây, cụ thể như sau:
- Nghiên cứu tài liệu: (i) các báo cáo, tài liệu về việc thực hiện TĐC của Ban QLCNC Hòa Lạc; Hội đồng ĐBHTTĐC; (iii) văn bản pháp lý về đền bù và thu hồi đất của Việt Nam và của UBND TP. Hà Nội;
 - Khảo sát bằng bảng hỏi đối với 100% hộ BAH để nghiên cứu các thông tin liên quan tới đặc điểm nhân khẩu, KT-XH của hộ BAH, tham vấn cộng đồng; giải quyết khiếu nại; khả năng phục hồi sinh kế, các vấn đề về giới.
 - Phỏng vấn các cán bộ chủ chốt của Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội; Ban QLCNC Hòa Lạc; Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất; UBND các xã Tân Xã và Bình Yên.
 - Thảo luận nhóm (TLN): Thực hiện 02 TLN đối với các hộ BAH nhằm thu thập thông tin cần thiết để đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC trong thời gian qua. Mỗi cuộc TLN bao gồm 12-15 người với 50% người tham dự là nữ giới để đảm bảo sự cân bằng về giới trong đánh giá.
 - Khảo sát thực địa tại khu đất xây dựng trường Đại Học KHCN Hà Nội, khu 52,7 ha và khu TĐC được xây dựng để tiếp nhận các hộ bị di dời.

B. Tổ chức thực hiện

9. Tư vấn đánh giá TĐC độc lập (Tư vấn) đã làm việc với Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội, Ban QLCNC Hòa Lạc, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và UBND các xã Tân Xã và Bình Yên để thu thập tài liệu (danh sách hộ BAH; biên bản kiểm đếm thiệt hại; phương án đền bù hỗ trợ tái định cư;...) các thông tin về tình hình KT-XH của địa phương và của người BAH.
10. Ngoài ra, Tư vấn đã thực hiện một số hoạt động đánh giá như sau.
- Khảo sát bằng hỏi HGD*: Các hộ BAH bởi Dự án đều bị mất trên 10% diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp và một số hộ bị di dời nhà cửa do vậy khảo sát đã được tiến hành đối với 100% hộ BAH (n=426). Trong đó, 118 (100%) hộ BAH thuộc khu 26 ha đã nhận tiền đền bù hỗ trợ TĐC và 308 (100%) hộ BAH tại khu 52,7 ha.
 - Thực hiện các cuộc TLN tại xã Tân Xã và xã Bình Yên.
 - Phỏng vấn sâu cán bộ chủ chốt của Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất; UBND xã Tân Xã, Thái Bình; Ban QLCNC Hòa Lạc.
 - Khảo sát thực địa tại các khu vực BAH bởi Dự án: khu 26 ha, khu 39 ha, khu 52,7 ha và khu 36,04 ha.
 - Các thông tin thu được từ khảo sát bằng bảng hỏi đối với hộ gia đình BAH, TLN, phỏng vấn cán bộ chủ chốt và người dân được xử lý, so sánh và phân tích nhằm rút ra những phát hiện và đề xuất góp phần thực hiện hiệu quả các hoạt động TĐC trong phạm vi Dự án Dự án.

Bảng 1: Tổng hợp thực hiện các hoạt động khảo sát đánh giá TĐC độc lập (tháng 7/2014)

No	Hoạt động	Thời gian
1	Thu thập và nghiên cứu tài liệu	25/6-5/7/2014
2	Khảo sát HGĐ	5-15/7/2014
3	Thảo luận nhóm	10/7/2014
4	Phỏng vấn cán bộ chủ chốt của các bên liên quan	20-22/7/2014
5	Khảo sát thực địa	15/7/2014
6	Nghiên cứu, phân tích và xử lý thông tin thu thập được	15-20/7/2014
7	Viết báo cáo	20-30/7/2014

Nguồn: Tư vấn đánh giá TĐC độc lập, tháng 7/2014

C. Hạn chế và giải pháp khắc phục

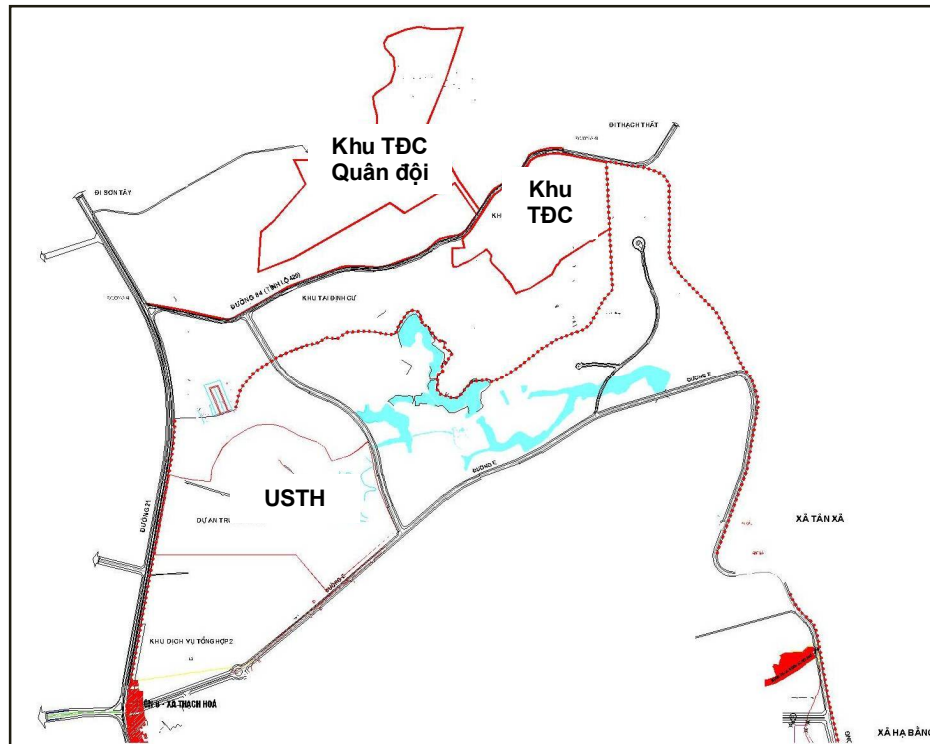
11. Tư vấn đã nhận được sự hỗ trợ tích cực của Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội; Ban QL KCNC Hòa Lạc; UBND huyện Thạch Thất và UBND các xã Tân Xã và Bình Yên trong việc cung cấp tài liệu, số liệu về tình hình thực hiện TĐC; hỗ trợ tổ chức khảo sát hộ gia đình và TLN. Tuy nhiên, việc đánh giá TĐC vẫn gặp phải một số khó khăn và vướng mắc đã được phát hiện và xử lý như sau:

- Số lượng thông tin, tài liệu cung cấp bởi Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất liên quan tới việc thu hồi đất cho Dự án và cho 02 đơn vị quân đội rất lớn và phức tạp. Để khắc phục khó khăn này, Tư vấn đã làm việc với các cán bộ của Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất, UBND xã Tân Xã và Bình Yên để sàng lọc, phân loại và xác định các hộ BAH.
- Hội đồng ĐBHTTĐC thực hiện các hoạt động TĐC không chỉ cho Dự án ĐHKHCN Hà Nội mà còn cho các dự án khác thuộc Dự án KCNC Hòa Lạc do vậy việc phân tách và cụ thể hóa diện tích BAH của hộ gia đình bởi Dự án ĐHKHCN Hà Nội và diện tích và phạm vi ảnh hưởng của dự án xung quanh liền kề gặp nhiều khó khăn. Để khắc phục vấn đề này Tư vấn đã làm việc trực tiếp với cán bộ địa chính; cán bộ đền bù của Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và cán bộ của Ban QLKCNC Hòa Lạc. Các số liệu được so sánh, đối chiếu và xử lý ở mức độ tốt nhất có thể và sử dụng trong Báo cáo đánh giá Lần 7.

III. Phát hiện và Đánh giá

A. Phạm vi và quy mô tái định cư của Dự án

12. Theo Kế hoạch cập nhật TĐC của Dự án, Tổng diện tích đất BAH bởi Dự án là 117,7 ha, bao gồm: (i) khu đất nông nghiệp, lâm nghiệp và một phần đất ở có diện tích 26 ha tại xã Tân Xã; (ii) khu đất có diện tích 39 ha tại xã Thạch Hòa hiện đang được quản lý và sử dụng bởi 02 đơn vị quân đội; và (iii) khu đất nông nghiệp, đất ở của các hộ BAH và đất công do UBND xã Bình Yên quản lý có diện tích 52,7 ha thuộc xã Bình Yên để bố trí cho 02 đơn vị quân đội. Sơ đồ vị trí các khu vực liên quan của Dự án được trình bày trong Hình 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các khu vực ảnh hưởng TĐC của Dự án

13. Có 426 hộ (1.902 người) BAH bởi Dự án. Trong đó, có 373 hộ (1.635 người) BAH do mất đất nông nghiệp (đất rừng, đất vườn và đất trồng lúa); 54 hộ (267 người) BAH do mất đất ở, vật kiến trúc; 373 hộ bị ảnh hưởng do mất mùa màng, cây cối. Tổng hợp tác động TĐC của Dự án được thể hiện trong **Error! Not a valid bookmark self-reference.** trang bên:

Bảng 2: Tổng hợp phạm vi và quy mô TĐC của Dự án ĐHKHCN Hà Nội

No	Mô tả	Đơn vị	Khu 65		Khu TĐC quân đội	Tổng cộng
			Khu 26 ha	Khu 39 ha		
1	Đất ở	m ² (hộ)	200 (1)	-	10.521 (52)	10.721 (53)
2	Đất nông nghiệp của các hộ BAH	m ² (hộ)				
2.1	Đất trồng cây lâu năm					
	- Đã đền bù (trước 6/2013)	m ² (hộ)	82.668 (98)	-	137.425 (70)	220.093 (168)
	- Chưa đền bù	m ² (hộ)	19.205 (10)	-	204.872 (134)	224.077 (144)
2.2	Đất rừng					
	- Đã đền bù (trước 6/2013)	m ² (hộ)	89.113 (7)	-	0	89.113 (7)
	- Chưa đền bù	m ² (hộ)	15.595 (2)	-	122.676 (52)	138.271 (54)
3	Đất công do UBND xã quản lý					
	- Đã đền bù (trước 6/2013)		53.200	-	51.600	104.800
	- Chưa đền bù		0	-	0	0
4	Nhà cửa bị ảnh hưởng (100%)	m ² (hộ)	200 (2*)	-	8.989 (52)	9.189 (54)
5	Các công trình kiến trúc BAH **					
	- Toilet	m ² (hộ)	46 (3)	-	815 (52)	861 (55)
	- Cổng	cổng	3 (3)	-	52 (52)	55 (55)
	- Sân vườn	m ² (hộ)	250 (3)	-	6.224 (52)	6.474 (55)
	- Tường rào	m ² (hộ)	670 (3)	-	4.795 (52)	5465 (55)
6	Cây cối và mùa màng***					
	- Cây ăn quả	cây	195	-	55	250
	- Cây lấy gỗ	cây	2.031	-	2.450	4.481
	- Rau/sản,...	m2	101.918	-	342.297	
7	Ảnh hưởng đối với kinh doanh buôn bán	hộ	0	-	0	0
8	Ảnh hưởng đối với mồ mã	mộ	0	-	203	203

Nguồn: Tổng hợp Kế hoạch TĐC cập nhật 9/2013

Ghi chú: * 01 hộ có nhà ở trên đất rừng; ** và *** số liệu đã bao gồm tài sản đã được đền bù và sẽ được đền bù; (-) việc đền bù cho đất đai và tài sản của 02 đơn vị quân đội không thuộc phạm vi đền bù của Dự án mà sẽ được thực hiện theo Dự án khác do Chính phủ tài trợ. Mục 8 toàn bộ số mộ này đã được di chuyển trong năm 2010. Số tiền trả cho mỗi mộ bị di chuyển là 5 triệu đồng.

B. Tiến độ thực hiện tái định cư

14. Theo kế hoạch, tới tháng 6/2013 Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội sẽ có quyết định sử dụng diện tích 65 ha đất để có thể thực hiện các hoạt động xây dựng theo kế hoạch. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện các hoạt động TĐC thực tế chậm hơn so với kế hoạch. Tới ngày 15/7/2014 mới chỉ thu hồi được 88,8 (75,5%) ha đất trong tổng số 117,7 ha đất cần thu hồi.

15. Tiến độ thực hiện TĐC trong Quý 2/2014 như sau:

- *Tham vấn cộng đồng*: Toàn bộ các phương án đền bù hỗ trợ TĐC của các hộ BAH chưa nhận tiền đền bù thuộc xã Bình Yên đã được gửi tới các hộ BAH và được thông báo công khai tại trụ sở của UBND xã Bình Yên. Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất đã phối hợp với Ban QLKCNC Hòa Lạc và UBND xã Bình Yên tổ chức các cuộc họp tham vấn cộng đồng cho các hộ BAH này để thông báo về phương án đền bù chi trả hỗ trợ TĐC và giải đáp các thắc mắc liên quan. Ngoài ra, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và UBND xã Bình Yên đã trực tiếp tiếp xúc và đối thoại với các hộ BAH có thắc mắc để xử lý các vấn đề liên quan.

- *Chi trả đền bù hỗ trợ TĐC cho người BAH:*Tổng số đất của các hộ dân và của UBND các xã cần thu hồi là 78,7 ha(26 ha tại xã Tân Xã và 52,7 ha tại xã Bình Yên). Toàn bộ diện tích đất 26 ha thuộc xã Tân Xã đã được thu hồi trong năm 2013. Đối với khu 52.7 ha, trong Quý 2/2014, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất đã chi trả cho 19 hộ BAH và thu hồi 2.6 ha đất nông nghiệp, nâng tổng diện tích đất đã thu hồi thuộc khu này lên 38.2 ha. Chi tiết tiến độ đền bù được thể hiện trong **Error! Reference source not found.** Ngoài ra, chỉ trong nửa đầu tháng 7/2014, Hội đồng ĐBHTTĐC đã chi trả và thu hồi thêm 3,6 ha đất nông nghiệp của các hộ BAH tại xã Bình Yên, nâng tổng diện tích đất đã thu hồi tại xã Bình Yên tới 15/7 là 41.8 ha. Diện tích đất còn lại tại xã Bình Yên cần thu hồi trong thời gian tới là 10.9 ha.
- *Tiến độ thu hồi và bàn giao đất:* Tổng hợp tiến độ thu hồi và bàn giao đất BAH thuộc Dự án tới Quý 2/2014 như sau và được trình bày tóm tắt trong **Error! Reference source not found.** và

- **Bảng 4: Tổng hợp tiến độ thu hồi và bàn giao đất tại khu USTH và Khu TĐC quân đội (15/7/2014)**

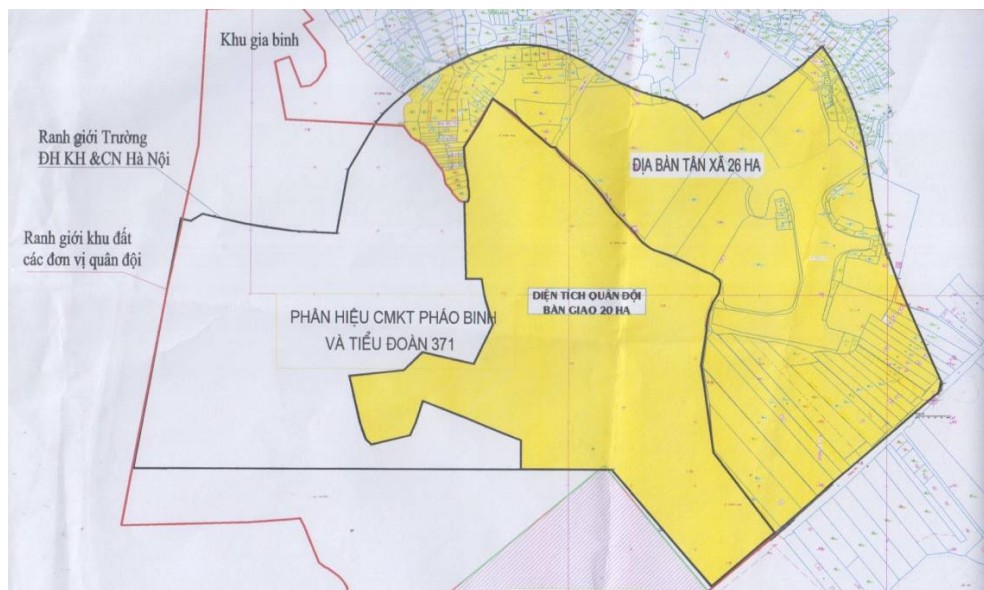
Mục	Khu đất xây dựng trường USTH (65 ha)			TĐC quân đội (52,7 ha)
	26 ha	39 ha	Tổng cộng	
Diện tích đất đã thu hồi	26	39	65	41,8 (+6,2)
Diện tích chưa được thu hồi	0	0	0	10.9
Diện tích đất sạch đã bàn giao cho Ban QLKCNC Hòa Lạc	26	20	46	0
Diện tích đất sạch đã bàn giao cho 02 đơn vị bộ đội	-	-	-	0
Diện tích đất Ban QLKCNC Hòa Lạc đã bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội	26	20	46	-
Diện tích đất sạch chưa bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội / 02 đơn vị bộ đội	0	19	19	52.7

Nguồn: Tư vấn TĐC độc lập tổng hợp số liệu từ Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất (tháng 7/2014)

Ghi chú: (-) không áp dụng; (+#) thay đổi so với kỳ báo cáo trước.

- . Vị trí khu đất Ban QLKCNC Hòa Lạc đã bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội được thể hiện trong **Error! Reference source not found.**

- i. Tổng diện tích đất đã được thu hồi bởi Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất từ các hộ dân và đất công do UBND các xã quản lý tính tới 30/6/2014 là 64.2 ha. Trong đó, có 26 ha đất thuộc xã Tân Xã) và 38.2 ha đất thuộc xã Bình Yên.
- ii. Đã có quyết định thu hồi 39 ha đất hiện thuộc quyền quản lý của 02 đơn vị quân đội.
- iii. Ban QLKCNC Hòa Lạc đã bàn giao đất cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội với tổng diện tích đất là 46 ha (26 ha thuộc khu Tân Xã và 20 ha đất của 02 đơn vị quân đội), tương đương 87,2% tổng diện tích đất quy hoạch xây dựng Trường ĐHKHCN Hà Nội (65 ha).
- iv. Dự kiến trong Quý 3/2014, UBND huyện Thạch Thất sẽ bàn giao phần diện tích đất đã thu hồi tại xã Bình Yên cho Bộ Tư lệnh pháo binh hiện để các đơn vị quân đội có thể triển khai các hoạt động xây dựng cần thiết.



Hình 2: Khu đất 46 ha (màu vàng) đã bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội

Nguồn: Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội

Bảng 3: Tổng hợp chi trả đền bù và hỗ trợ TĐC (tính tới 15/7/2014)

Khu vực BAH	Đối tượng BAH	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014			Tổng cộng
						Quý 1	Quý 2	1-15/7	
1. Khu 26 ha	Đất ở HGĐ	ha [hộ]	0 [0]	0 [0]	0,02 [1]	-	-	-	0,02 [1]
	Đất nông nghiệp HGĐ	ha [hộ]	5,3 [23]	2,98 [51]	14,12 [44]	-	-	-	22,4 [118]
	Đất công do UBND xã quản lý	ha	0	3,6	0	-	-	-	3,6
	Cộng 1	ha	5,3	6,58	14,14	-	-	-	26
2. Khu 39 ha	Đất công	ha	-	-	-	-	-	-	-
	Cộng 2	ha	-	-	-	-	-	-	-
3. Khu 52,7 ha	Đất ở HGĐ	ha [hộ]	0 [0]	0 [0]	0 [0]	0 [0]	0 [0]	0 [0]	0 [0]
	Đất nông nghiệp HGĐ	ha [hộ]	0 [0]	9,38 [117]	11,9 [283]	8,93 [57]	2,6 [19]	3,6 [24]	36,4 [293]
	Đất công UBND xã quản lý	ha	0	2,57	2,84	0	0		5,41
	Cộng 3	ha	0	11,95	14,74	8,93	2,6	3,6	41,8
Tổng cộng 1, 2, 3		ha	0	18,53	28,88	8,93	2,6	3,6	67,8

Nguồn: Tư vấn TĐC độc lập tổng hợp số liệu từ Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất (tháng 7/2014)

Ghi chú: (-) không áp dụng.

Bảng 4: Tổng hợp tiến độ thu hồi và bàn giao đất tại khu USTH và Khu TĐC quân đội (15/7/2014)

Mục	Khu đất xây dựng trường USTH (65 ha)			TĐC quân đội (52,7 ha)
	26 ha	39 ha	Tổng cộng	
Diện tích đất đã thu hồi	26	39	65	41,8 (+6,2)
Diện tích chưa được thu hồi	0	0	0	10.9
Diện tích đất sạch đã bàn giao cho Ban QLKCNC Hòa Lạc	26	20	46	0
Diện tích đất sạch đã bàn giao cho 02 đơn vị bộ đội	-	-	-	0
Diện tích đất Ban QLKCNC Hòa Lạc đã bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội	26	20	46	-
Diện tích đất sạch chưa bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội / 02 đơn vị bộ đội	0	19	19	52.7

Nguồn: Tư vấn TĐC độc lập tổng hợp số liệu từ Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất (tháng 7/2014)

Ghi chú: (-) không áp dụng; (+#) thay đổi so với kỳ báo cáo trước.

Bảng 5: Tổng hợp tiến độ thu hồi và bàn giao các khu đất (Quý 2/2014)

Thu hồi và bàn giao đất	Tiến độ thu hồi và bàn giao đất									Tổng cộng (ha)
	Năm 2013			Quý 1/2014			Quý 2/2014			
	26 (ha)	39 (ha)	52,7 (ha)	26 (ha)	39 (ha)	52,7 (ha)	26 (ha)	39 (ha)	52,7 (ha)	
Diện tích đất đã thu hồi bởi Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất	26	39	26,69	-	0	8,93	-	0	2.6	103,2
Diện tích đất đã bàn giao cho Ban QLKCNC Hòa Lạc	26	20	-	-	0	-	-	0	-	46
Diện tích đất đã được bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội	26	20	-	0	0	-	-	-	-	46
Diện tích đất đã bàn giao cho Bộ TLPB	-	-	0	-	-	0	-	-	0	0

Nguồn: Tư vấn TĐC độc lập tổng hợp số liệu từ Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất (tháng 7/2014)

Ghi chú: (-) không áp dụng. Số liệu thu hồi đất tới 15/7/2014 là 106.8 ha

C. Tham vấn cộng đồng và nhận biết chính sách TĐC, quyền lợi của người BAH

16. Kết quả đánh giá TĐC độc lập lần 7 (Quý 2/2014) cho thấy 100% hộ BAH đã nhận tiền đền bù tại xã Bình Yên đã được tham vấn và được cung cấp thông tin về chính sách TĐC và quyền lợi của người BAH. Cụ thể, các hộ BAH đã được tham gia các hoạt động như sau:

- Tham gia các cuộc họp tại UBND xã để được nghe phổ biến thông tin về việc thu hồi đất cho Dự án ĐHKHCN Hà Nội và bố trí vị trí đóng quân mới cho 02 đơn vị quân đội. Các hộ BAH được tham gia tối thiểu 02 cuộc họp tham vấn cộng đồng (01 cuộc trước và 01 cuộc sau khi có kết quả kiểm đếm thiệt hại).
- Được phổ biến các chính sách, phương án và các quyền lợi liên quan tới đền bù, hỗ trợ và TĐC của Việt Nam.
- Được tham gia vào quá trình kiểm đếm chi tiết; được kiểm tra và ký vào Biên bản đo đạc kiểm đếm chi tiết.
- Được nhận phương án đền bù hỗ trợ TĐC do Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất lập đề xem xét và có ý kiến phản hồi tới các bên liên quan trước khi nhận tiền đền bù. Các hộ BAH được giải thích rõ ràng về các chính sách ĐBHTTĐC, cách thức tính ĐBHTTĐC.

D. Kiểm đếm tài sản BAH và thanh toán đền bù theo Chính sách trong Kế hoạch TĐC

Kiểm đếm tài sản bị ảnh hưởng:

17. Hoạt động kiểm đếm tài sản đã được hoàn thành trong năm 2013 và được đánh giá tuân thủ theo yêu cầu của Kế hoạch TĐC cập nhật và các quy định của Việt Nam và của ADB.

Thanh toán đền bù theo các chính sách trong Kế hoạch tái định cư:

18. Thanh toán đền bù cho các hộ BAH trong thời gian qua được thực hiện theo các quy định của Việt Nam và của UBND TP. Hà Nội về đền bù hỗ trợ và thu hồi đất TĐC, như sau:

- Quyết định 108/2009/QĐ-UBND (Quyết định 108) ngày 29/9/2009 của UBND TP. Hà Nội quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và TĐC khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP. Hà Nội.
- Văn bản số 7331/UBND-TNMT ngày 31/8/2011 của UBND TP. Hà Nội về việc bổ sung chính sách bồi thường hỗ trợ TĐC để giải quyết các tồn tại vướng mắc một số dự án trên địa bàn huyện Thạch Thất
- Văn bản số 6323/STC-BG (Văn bản 6323) ngày 29/12/2011 của Sở Tài chính TP Hà Nội về việc thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác GPMB trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2012.
- Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND (Quyết định 63) ngày 25/12/2013 của UBND TP. Hà Nội về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2014.
- Phương án đền bù hỗ trợ tái định cư được lập bởi Hội đồng ĐBHTTĐC và được phê duyệt bởi UBND huyện Thạch Thất.

19. Theo các quy định trên, đơn giá đền bù đối với các loại đất ở và đất nông nghiệp tại xã Bình Yên trong năm 2014 như sau.

Bảng 6: Tổng hợp đơn giá đền bù năm 2014 theo Quyết định của UBND TP. Hà Nội

No.	Loại tài sản	Đơn vị	Đơn giá (VND/m ²)
1	Giá đất ở	m ²	700.000
2	Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	m ²	490.000
3	Giá đất nông nghiệp trồng lúa nước, đất trồng cây hàng năm	m ²	105.000
4	Giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm	m ²	98.000
5	Giá đất nuôi trồng thủy sản	m ²	84.000

Nguồn: Tư vấn TĐC độc lập tổng hợp số liệu từ Quyết định 63 của UBND TP. Hà Nội về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn TP. Hà Nội

20. Kết quả khảo sát các hộ BAH đã nhận tiền đền bù hỗ trợ TĐC trong Quý 2/2014 tại xã Bình Yên cho thấy việc chi trả đền bù hỗ trợ TĐC được thực hiện đáp ứng các quy định ghi trong Kế hoạch TĐC cập nhật và các chính sách của Việt Nam như sau:

- Đơn giá đền bù các loại đất đai và tài sản áp dụng trong tuân thủ theo đơn giá đền bù ghi trong Quyết định 63. Nhìn chung, đơn giá đền bù hỗ trợ theo Quyết định 63 tương đương với mức giá thay thế đối với các loại đất nông nghiệp trên thị trường.
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất đã phối hợp với UBND xã Bình Yên thực hiện việc thanh toán đền bù hỗ trợ TĐC cho các hộ BAH tại trụ sở UBND xã.
- Thanh toán đền bù hỗ trợ TĐC cho các hộ BAH được thực hiện một lần, ngay sau khi đại diện hợp pháp của hộ BAH ký biên bản nhận tiền và bàn giao đất cho Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất.
- Mức giá đền bù, hỗ trợ TĐC được tính toán và chi trả cho người dân đối với đất đai và hoa màu tương đương với mức giá thay thế và không bao gồm các loại thuế và phí liên quan.
- 100% các hộ BAH đã nhận tiền đền bù cho biết việc thanh toán được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và tuân thủ theo các quy định của Việt Nam.

E. Phối hợp thực hiện các hoạt động tái định cư với lịch trình xây dựng

21. Trong Quý 2/2014, nhà thầu xây dựng đã hoàn thành cơ bản gói thầu Nhà điều hành tạm cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội. Dự kiến, trong Quý 3/2014 Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội sẽ triển khai thi công gói thầu đường và hàng rào bao quanh khu đất 65 ha.



Hình 3: Nhà điều hành tạm của Ban QLDA và đường đất bao quanh khu đất 65 ha (15/7/2014)

22. Nhìn chung, các hoạt động xây dựng được thực hiện phù hợp các hoạt động tái định cư và đảm bảo nguyên tắc các hoạt động xây dựng sẽ chỉ được thực hiện trên khu đất đã hoàn thành chi trả đền bù và không có tranh chấp.

F. Các thủ tục thu hồi và chuyển giao đất

23. Trình tự và thủ tục thu hồi đất đối với các hộ dân BAH tại các khu vực BAH bởi Dự án đáp ứng với các yêu cầu của ADB, Việt Nam và của UBND TP. Hà Nội, cụ thể như sau:

- UBND huyện Thạch Thất gửi thông báo thu hồi đất tới các hộ BAH
- UBND huyện Thạch Thất ra quyết định thành lập Hội đồng GPMB và các tổ Công tác phục vụ công tác GPMB.
- UBND huyện Thạch Thất phê duyệt và trích chuyển kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và TĐC.
- UBND huyện Thạch Thất lập, phê duyệt kế hoạch tiến độ chi tiết giải phóng mặt bằng; thẩm tra dự toán chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và TĐC.
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất tổ chức cho các hộ BAH kê khai và tổ chức điều tra hiện trạng, xác minh nội dung kê khai.
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất lập, niêm yết lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC.
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất hoàn chỉnh, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết.
- UBND huyện Thạch Thất ra Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; niêm yết công khai và thông báo chi trả tiền, bàn giao mặt bằng
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư cho các hộ BAH.
- Hộ gia đình bàn giao đất bị thu hồi theo quyết định của UBND huyện Thạch Thất.

24. Sau khi Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất hoàn thành chi trả đền bù và thu hồi đất từ các hộ BAH, UBND huyện Thạch Thất thực hiện các thủ tục cần thiết để bàn giao đất sạch cho Ban QLKCNC Hòa Lạc để Ban QLKCNC Hòa Lạc bàn giao đất sạch cho Ban QLDAĐHKHCN Hà Nội theo các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đất đai trên địa bàn TP. Hà Nội.

G. Xây dựng/tái xây dựng nhà và các công trình thay thế trên khu đất còn lại hoặc di dời đến khu vực mới

25. Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất đã tiến hành chi trả đền bù và hỗ trợ TĐC cho hộ ông Nguyễn Tiến Dũng (khu 26 ha) do mất 100% đất ở. Hộ ông Dũng đã nhận tiền đền bù do mất đất ở, mất nhà và các công trình, vật kiến trúc khác và được bố trí 01 lô đất tái định cư tại Khu TĐC xã Bình Yên. Tới nay hộ ông Dũng vẫn chưa có kế hoạch xây dựng nhà ở mới tại Khu TĐC.

H. Mức độ thỏa mãn của người BAH đối với các quy định và việc thực hiện Kế hoạch TĐC cập nhật.

26. Nhìn chung, đa số hộ BAH được khảo sát cho thấy họ hài lòng đối với việc thực hiện hoạt động TĐC của Dự án. Số tiền đền bù và các khoản hỗ trợ bằng tiền của Dự án có thể giúp các hộ BAH chủ động tham gia các khóa đào tạo nghề, giới thiệu việc làm hoặc tự tổ chức hoạt động kinh doanh, sản xuất, chăn nuôi,... Một số hộ BAH mặc dù đã được thông báo nhận tiền đền bù hỗ trợ TĐC nhưng vẫn chưa đến nhận tiền do họ hy vọng có chính sách thuận lợi hơn sau khi Luật đất đai có hiệu lực từ ngày 1/7/2014. Bên cạnh đó, một số hộ BAH chưa được nhận tiền đền bù do có sự tranh chấp đối với khu đất mà họ đang sử dụng.

I. Đền bù tranh chấp (tài liệu, tiền độ, phương thức giải quyết và mức độ thỏa mãn của những người bị ảnh hưởng).

27. Kết quả khảo sát hộ gia đình và tham vấn cộng đồng đối với việc thực hiện Kế hoạch TĐC cho thấy, trong Quý 1/2014, có 95 trường hợp khiếu nại chủ yếu liên quan tới tình trạng pháp lý của các thửa đất nông nghiệp của các hộ BAH tại khu 52,7 ha. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là các hộ BAH này đã tự động chuyển đổi việc sử dụng đối với các lô đất được giao ở các vị trí khác nhau; tranh chấp đất đai trong nội bộ hộ BAH; thiếu các giấy tờ pháp lý liên quan; thiếu căn cứ xác minh chủ hộ BAH. Điều này dẫn tới những khó khăn cho Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất cũng như UBND xã trong việc xác định người có quyền được nhận đền bù hỗ trợ TĐC. Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và UBND xã đã chủ động phối hợp với bộ phận địa chính của xã và huyện tổ chức xác minh tài liệu, khảo sát hiện trường và tham vấn người BAH và người dân trong xã để đảm bảo nguyên tắc người BAH sẽ được nhận đền bù hỗ trợ thỏa đáng. Kết quả xử lý khiếu nại đối với các hộ BAH này tính tới ngày 15/7/2014 như sau:

- Đã giải quyết thỏa đáng đối với 53 lô đất nông nghiệp (20 hộ) có khiếu nại do: (i) các hộ tự ý chuyển đổi quyền sử dụng đất mà chưa có sự chấp thuận của cơ quan chức năng; (ii) sử dụng đất công trái phép. Các hộ này đều hài lòng với kết quả xử lý của Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất, UBND huyện Thạch Thất và UBND xã Bình Yên.
- Chuyển hồ sơ đất đai của 12 lô đất (04 hộ) có khiếu nại do có tranh chấp quyền thừa kế trong nội bộ các thành viên của hộ BAH sang Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất để xem xét xử lý.
- Tạm dừng việc thu hồi 30 lô đất nông nghiệp (8 hộ) do các hộ hiện đang gặp khó khăn do gia đình có người già bị ốm nặng; thành viên trong gia đình bị mắc bệnh hiểm nghèo như ung thư, tai nạn,....

J. Tính hiệu quả và bền vững của các biện pháp trao quyền và phục hồi thu nhập cho những người BAH

28. Các biện pháp trao quyền và phục hồi thu nhập cho người BAH tại xã Tân Xã và xã Bình Yên trong thời gian qua bao gồm: (i) các khoản hỗ trợ bằng tiền mặt có giá trị bằng 3-5 lần giá đền bù đất nông nghiệp (tương đương bằng 525.000 VND/m² đất trồng lúa), (ii) than gia các lớp học nghề và giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động để giúp họ có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp và phục hồi thu nhập trong thời gian sớm nhất có thể.

29. Các hoạt động đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn được thực hiện theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng chính phủ; Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012-2015. Phòng LĐTBXH đã tổ chức các lớp dạy nghề cho người lao động của huyện, đặc biệt các hộ BAH do mất đất để xây dựng các Dự án trong năm 2012 là 364 người; năm 2013 là 1247 người. Trong Quý 1 và 2 năm 2014, phòng LĐTBXH đã tổ chức 20 lớp dạy nghề cho hơn 700 học viên. Các ngành nghề chủ yếu được cung cấp bao gồm: hàn, điện dân dụng, điện công nghiệp, may,...

30. Kết quả khảo sát bảng hỏi HGD tại các xã Tân Xã và Bình Yên cho thấy các hộ đã nhận tiền đền bù tới thời điểm báo cáo (tháng 7/2014) đã từng bước cải thiện điều kiện sống của họ so với trước khi nhận đền bù. Theo ước tính của các hộ BAH thì thu nhập bình quân của các hộ BAH đã nhận tiền đền bù hỗ trợ TĐC đã được cải thiện, tỷ lệ hộ có thu nhập dưới 9 triệu/năm giảm từ 4,2% xuống còn 3,4% (tại xã Tân Xã), từ 2,8% xuống còn 2,4% (xã Bình Yên), tỷ lệ hộ có thu nhập từ 10-12 triệu tại thời điểm khảo sát tăng không đáng kể, khoảng 1% so với thời điểm tháng 4/2013. Đối với các hộ có thu nhập trên 13 triệu mức thay đổi là không đáng kể. Chi tiết xem bảng trang bên:

Bảng 7: Tổng hợp phân bố thu nhập của hộ BAH đã nhận chi trả đền bù (tháng 7/2014)

Khu vực BAH	Đơn vị	Thu nhập trung bình hộ/năm (triệu VND)						Tổng
		< 9	10-12	13-19	20-29	30-49	50+	
1/ ĐHKHCN Hà Nội								
Tháng 7/2014	hộ	4	29	29	28	24	4	118
	%	3.4	24.6	24.6	23.7	20.3	3.4	100.0
Tháng 4/2014	hộ	5	28	28	28	25	4	118
	%	4.2	23.7	23.7	23.7	21.2	3.4	100.0
Tháng 12/2013*	hộ	6	26	28	28	25	5	118
	%	5.1	22.0	23.7	23.7	21.2	4.2	100.0
Tháng 6/2013**	hộ	7	27	26	28	25	5	118
	%	5.9	22.9	22.0	23.7	21.2	4.2	100.0
2/ Khu TĐC quân đội								
Tháng 7/2014	hộ	7	40	87	76	73	10	293
	%	2.4	13.7	29.7	25.9	24.9	3.4	100.0
Tháng 4/2014	hộ	8	36	86	75	71	12	288
	%	2.8	12.5	29.9	26.0	24.7	4.2	100.0
Tháng 12/2013*	hộ	8	33	85	75	71	11	283
	%	2.8	11.7	30.0	26.5	25.1	3.9	100.0
Tháng 6/2013**	hộ	10	37	92	81	76	12	308
	%	3.2	12.0	29.9	26.3	24.7	3.9	100.0

Nguồn: *Tư vấn đánh giá TĐC độc lập Khảo sát hộ gia đình tháng 12/2013; ** Báo cáo TĐC cập nhật 9/2013 và khảo sát hộ BAH, tháng 7/2014

K. Các ảnh hưởng và chiến lược về giới

31. Đa số phụ nữ BAH do bị mất đất ở, đất nông nghiệp, cây cối và mùa màng sẽ chịu thiệt thòi hơn so với nam giới trong việc tìm việc làm mới có thu nhập và việc làm ổn định; kiến tạo lại khả năng tạo thu nhập cho gia đình;

32. Khảo sát các hộ BAH cho thấy thấy, trước thời điểm nhận tiền chi trả đền bù hỗ trợ TĐC đa số phụ nữ BAH trong độ tuổi lao động tham gia làm các ngành nghề phụ như may vá, buôn bán, kinh doanh nhỏ hoặc làm thuê cho các cơ sở sản xuất như mây tre đan, nghề mộc, xây dựng tuy nhiên nguồn thu nhập từ những công việc phụ lại chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng thu nhập của hộ gia đình. Những hộ BAH có phụ nữ làm nông nghiệp như trồng lúa; trồng ngô, khoai, sắn cho thu nhập thấp và thường không ổn định.

33. Một số hoạt động hỗ trợ cho người BAH là nữ giới trong thời gian qua bao gồm: đào tạo nghề và giới thiệu việc làm phù hợp với nữ giới trong độ tuổi lao động tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện như: Công ty cổ phần phát triển đầu tư Hà Nội; Công ty Noble; Công ty MEKO; Công ty YONGFS; Công ty cổ phần thời trang và phát triển.

L. Khả năng của những người BAH, đặc biệt là hộ gia đình BAH nghiêm trọng và có nguy cơ tổn thương, có thể phục hồi/tái thiết cuộc sống và mức sống

34. Kết quả khảo sát các hộ BAH đã nhận tiền đền bù và bàn giao đất nông nghiệp tại xã Tân Xã và Bình Yên cho thấy, các hộ này đều là các hộ BAH đáng kể (mất trên 10% đất nông nghiệp hoặc mất toàn bộ đất ở). Tuy nhiên, đất đai bị thu hồi do tác động của việc thực hiện Dự án chủ yếu là đất kém chất lượng và chỉ được sử dụng để trồng các loại cây cho năng suất và giá trị thấp như sắn, khoai, ngô,... và do vậy, thu nhập của các hộ BAH từ hoạt động sản xuất nông nghiệp trên đất đai BAH là không đáng kể so với thu nhập của từ các ngành nghề phụ khác như: xây dựng, kinh doanh buôn bán nhỏ, chăn nuôi,...

35. Cơ cấu và nguồn thu nhập chính của HGD tại thời điểm Quý 2/2014 đã được cải thiện so với thời điểm tháng 4/2013. Số hộ có nguồn thu từ các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, buôn

bán tăng từ 82,5% lên 87,3% (Tân Xã) và tăng từ 71,8 lên 82,6% (Bình Yên). Tổng hợp sự thay đổi nguồn thu nhập chính của các hộ BAH tại xã Tân Xã và Bình Yên được trình bày trong bảng sau:

Bảng 8: Tổng hợp sự thay đổi nguồn thu nhập chính từ các hoạt động TTCN, kinh doanh, buôn bán, của hộ BAH sau khi nhận đền bù hỗ trợ tái định cư

Địa điểm	Nguồn thu nhập chính từ TTCN, kinh doanh, buôn bán (%)						
	Quý 4/2013	Năm 2013				Năm 2014	
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Quý 1	Quý 2
Khu 26 ha	70,6	76,5	77,5	77,5	79,3	82,5	87,3
Khu 52,7 ha	59	62,4	63,5	63,5	67,1	71,8	82,6

Nguồn: Khảo sát hộ BAH – Đánh giá TĐC độc lập lần 7(7/2014)

36. Nhìn chung, khả năng phục hồi thu nhập của các hộ BAH này khá chắc chắn do:
- Trên địa bàn huyện Thạch Thất đã có 01 khu công nghiệp, 8 điểm công nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất, có 9/56 làng nghề được công nhận, 827 doanh nghiệp và 20.855 hộ sản xuất kinh doanh ổn định. Đây chính là điểm "hút", là nơi tạo ra rất nhiều việc làm cho người lao động tại địa phương, bao gồm những người lao động BAH do mất đất nông nghiệp.
 - Các xã Tân Xã và Bình Yên nằm gần kề với 09 làng nghề truyền thống của huyện Thạch Thất, bao gồm: (1) cơ kim khí Phùng Xá; (2) mộc, may Hữu Bằng; (3) mộc Chàng Sơn; (4) làng nghề mộc – xây dựng Canh Nậu; (5) làng nghề mộc – xây dựng Dị Nậu; (6) mây giang đan Phú Hòa; (7) mây giang đan Thái Hòa; (8) mây tre, giang đan Bình Xá; (9) làng nghề chè lam Thạch Xá. Các làng nghề truyền thống này hiện đang phát triển và có nhu cầu cao về lao động phổ thông cũng như các lao động có kỹ năng phù hợp với khả năng và đặc điểm văn hóa của những người BAH tại đây.
 - Xã Tân Xã và Bình Yên nằm cách khu vực trung tâm TP. Hà Nội khoảng 30 km là khu vực đòi hỏi nhiều lao động và tạo cơ hội việc làm cho các hộ BAH bởi Dự án. Một số loại hình lao động như xây dựng, mộc, vệ sinh công nghiệp, may công nghiệp, giúp việc, bán hàng, bảo vệ, ... là những loại hình công việc có nhu cầu mà người dân ở đây có thể tham gia.
 - UBND các xã hiện đang nghiên cứu các mô hình sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao để hướng dẫn cho người dân, đặc biệt là người BAH bởi Dự án để họ có thể học hỏi và từng bước áp dụng trong thời gian tới.
 - Hàng năm, phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất kết hợp với các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện để tổ chức các lớp dạy nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động, đặc biệt ưu tiên các hộ gia đình bị thu hồi đất để xây dựng các dự án trong khu CNC Hòa Lạc.
 - Ngoài ra, do đất đai bị thu hồi và người BAH được nhận số tiền đền bù khá lớn do vậy, người BAH có điều kiện, cơ hội và động lực để cải thiện điều kiện sống, khả năng phục hồi thu nhập của chính họ và gia đình.

M. Tác động của tái định cư gây ra trong quá trình thực hiện các hoạt động xây dựng

37. Hiện chưa có hoạt động xây dựng nào được triển khai tại khu 52,7 ha. Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội đã triển khai xây dựng nhà điều hành tạm trên khu đất sạch 46 ha. Quy mô và phạm vi xây dựng nhà điều hành tạm là không đáng kể (khoảng 500 m²) và khu vực dân cư ở xa phạm vi xây dựng do vậy không có tác động tái định cư nào được ghi nhận liên quan tới hoạt động này (tiếng ồn, khói bụi,...)

N. Sự tham gia của người BAH trong việc cập nhật và thực hiện Kế hoạch TĐC

38. Khảo sát 100% người BAH đã nhận chi trả đền bù và hỗ trợ TĐC cho biết họ được thông báo về việc đo đạc kiểm đếm chi tiết, các phương án đền bù, hỗ trợ. Trong trường hợp có khiếu nại, người BAH được quyền khiếu nại lên các cấp có thẩm quyền để được giải quyết và hỗ trợ pháp lý.

O. Năng lực thể chế, giám sát nội bộ và báo cáo

39. Các hoạt động TĐC của Dự án đã được thực hiện với sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm: Bộ GDĐT; Bộ KHCN; Ban QLKCNC Hòa Lạc; UBND huyện Thạch Thất; Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất; Ban chỉ đạo ĐBHTTĐC TP. Hà Nội. Các cơ quan này được đánh giá là có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện các hoạt động ghi trong Kế hoạch TĐC.

40. Tư vấn giám sát TĐC nội bộ (ông Hoàng Trường Nam) đã thực hiện hoạt động giám sát nội bộ và định kỳ lập Báo cáo giám sát nội bộ.

41. Báo cáo giám sát nội bộ Quý 2/2014 đã được lập và nộp cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội theo yêu cầu. Nhìn chung, Báo cáo giám sát TĐC nội bộ Quý 2/2014 đã thể hiện các chỉ số bao gồm: (i) số hộ BAH chia theo mức độ ảnh hưởng, huyện, xã, thôn, và hiện trạng thanh toán tiền đền bù, di dời, các phương án phục hồi sinh kế; (ii) giải ngân tiền mặt; (iii) khoản vốn được phân bổ và giải ngân cho: hoạt động TĐC, đền bù, hỗ trợ và TĐC; (iv) hoạt động, mức độ tham gia, kết quả và các vấn đề liên quan đến phổ biến thông tin và lấy ý kiến người dân; (v) hiện trạng và kết quả xử lý khiếu nại và các vấn đề nổi bật cần được chính quyền cấp huyện, thành phố chú trọng, hoặc cần đến sự hỗ trợ của ADB.

P. Nguồn tiền và dòng tiền để thanh toán bồi thường và hỗ trợ cho những người BAH hoặc những người BAH bị di dời

42. Kinh phí để thanh toán bồi thường và hỗ trợ cho những người BAH bởi Dự án KCNC Hòa Lạc (trong đó có Dự án ĐHKHCN Hà Nội) được cấp từ ngân sách Nhà nước cho Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất thông qua Ban QLKCNC Hòa Lạc. Ban QLKCNC Hòa Lạc đã ưu tiên sử dụng kinh phí được cấp để phục vụ cho hoạt động đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất đai, tài sản BAH, thực hiện chi trả đền bù hỗ trợ TĐC cho các hộ BAH.

43. Nguồn tiền cần thiết cho việc chi trả đền bù đã được cung cấp cho UBND huyện Thạch Thất để chi trả đền bù cho toàn bộ các hộ BAH tại khu 52,7 ha. Thủ tướng chính phủ đã chỉ đạo các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí nguồn vốn ngân sách cần thiết cho Bộ Quốc phòng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mới 02 đơn vị quốc phòng tại khu 52.7 ha để sớm bàn giao mặt bằng cho Dự án ĐHKHCN Hà Nội (Văn bản số 995/TTg-KTN ngày 18/6/2014).

Q. Giá thay thế

44. Theo kết quả khảo sát giá thay thế của Tư vấn, trong Quý 2/2014 trên địa bàn xã Bình Yên không có sự thay đổi liên quan tới mức giá thay thế so với tại thời điểm tháng Quý 1/2014. Mức giá này tương đương với mức giá áp dụng trong năm 2014 ban hành bởi UBND TP. Hà Nội, như sau:

Bảng 8: Tổng hợp đơn giá đền bù theo QĐ của UBND TP. Hà Nội (năm 2014) so với đơn giá thay thế theo khảo sát của Tư vấn đánh giá độc lập TĐC (tháng 7/2014)

No.	Loại tài sản	Đơn vị	Đơn giá theo QĐ của Hà Nội năm 2014(VND)	Đơn giá thay thế 7/2014(VND)
1	Giá đất nông nghiệp được giao	m ²	105.000	104.000-106.500
2	Giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm	m ²	98.000	97.500-99.500
3	Giá đền bù các loại cây hoa màu (lúa tẻ)	m ²	7.000	6.900-7.500

Nguồn: Khảo sát giá thay thế - Tư vấn đánh giá độc lập TĐC (tháng 7/2014)

R. Bố trí khu tái định cư

45. Khu tái định cư Nam đường 84 (xã Bình Yên) với diện tích 36,04 ha đã được chuẩn bị để tiếp nhận các hộ BAH phải di dời tới nơi ở mới. Hạ tầng cơ sở cơ bản bao gồm, đường nội bộ, chiếu sáng, chợ, nhà văn hóa, ... đã được chuẩn bị sẵn sàng tiếp nhận các hộ BAH.

46. Theo quy định, các hộ BAH sau khi tiếp nhận bàn giao lô đất TĐC (diện tích trung bình 200m²) có thể tiến hành ngay các thủ tục xây dựng nhà theo quy định của Việt Nam. UBND huyện Thạch Thất cam kết cấp điện tới đồng hồ điện của hộ gia đình. Hộ gia đình có trách nhiệm và chịu chi phí đấu nối sau đồng hồ điện.

47. Về hạ tầng cấp nước, hiện tại chưa có hệ thống cấp nước máy cho Khu TĐC này cũng như các khu vực lân cận, vì thế UBND huyện Thạch Thất có kế hoạch hỗ trợ các hộ gia đình kinh phí từ 6-10 triệu để các hộ gia đình chủ động phát triển giếng khoan nước.

IV. Đề xuất và Khuyến nghị

A. Thu hồi và bàn giao đất

48. UBND huyện Thạch Thất và Ban QLKCNC Hòa Lạc cần đẩy nhanh tiến độ chi trả tiền đền bù hỗ trợ TĐC cho các hộ BAH còn lại tại khu 52,7 và bàn giao phần đất đã thu hồi cho các đơn vị bộ đội.

B. Chi trả đền bù hỗ trợ tái định cư

49. Ban QLKCNC Hòa Lạc cần thường xuyên theo dõi, giám sát và hỗ trợ UBND huyện Thạch Thất trong việc sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được cấp cho các hoạt động chi trả đền bù, hỗ trợ TĐC cho các hộ BAH tại Khu TĐC quân đội.

50. UBND huyện Thạch Thất và trực tiếp là Hội đồng ĐBHTTĐC cần đảm bảo rằng mức chi trả đáp ứng yêu cầu ghi trong Kế hoạch TĐC cập nhật. Đơn giá đền bù được tính trên cơ sở giá thay thế và không tính khấu hao và các loại phí liên quan cho các hạng mục công trình xây dựng như: nhà cửa, tường rào, nhà bếp, nhà vệ sinh, giếng nước,....

C. Hợp đồng Tư vấn đánh giá độc lập TĐC

51. Tính tới 15/7/2014, vẫn còn 10,9 ha đất nông nghiệp và đất ở tại khu 52,7 ha chưa được thu hồi. Dự kiến tới tháng 12/2014 Hội đồng ĐBHTTĐC mới hoàn thành chi trả đền bù và hỗ trợ tái định cư cho các hộ BAH để thu hồi toàn bộ diện tích này.

52. Để đảm bảo thực hiện các hoạt động đánh giá độc lập TĐC của Dự án đáp ứng các yêu cầu theo của Dự án Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội cần xem xét điều chỉnh và gia hạn Hợp đồng Tư vấn Đánh giá TĐC Độc lập thêm từ 6-12 tháng.

D. Các chương trình phục hồi thu nhập

53. UBND huyện Thạch Thất và UBND các xã Tân Xã và Bình Yên cần sớm xem xét thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng các khóa đào tạo nghề, giới thiệu việc làm được triển khai một cách hiệu quả và phù hợp với năng lực và trình độ của người BAH. Các hoạt động này có thể bao gồm:

- Khảo sát thị trường lao động và đánh giá nhu cầu lao động cũng như tuyển dụng việc làm của các cơ sở có tiềm năng.
- Định kỳ hàng tháng, quý thực hiện khảo sát và giám sát kết quả hoạt động của các hoạt động hỗ trợ, đào tạo, giới thiệu việc làm.
- Phối kết hợp với các cơ quan đoàn thể liên quan như Hội phụ nữ của TP. Hà Nội, và Hội phụ nữ các huyện lân cận để có biện pháp thích hợp nhằm hỗ trợ cho người BAH là nữ giới, đặc biệt đối với nữ giới BHA có độ tuổi trên 35.

54. Ngoài ra, UBND huyện Thạch Thất, UBND các xã Tân Xã và Bình Yên cần xem xét tổ chức các hội thảo, nói chuyện chuyên đề, ... hướng dẫn cho người BAH cách thức quản lý và sử dụng hiệu quả số tiền đền bù hỗ trợ TĐC, đồng thời giúp các hộ BAH giảm thiểu rủi ro do lãng phí hoặc thất thoát nguồn tiền mà họ đã nhận được do thiếu hiểu biết hoặc thiếu kỹ năng quản lý tiền.

55. Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và UBND các xã Tân Xã và Bình Yên cần tích cực phối hợp với Ban QLKCNC Hòa Lạc trong việc chuẩn bị Kế hoạch phục hồi sinh kế thuộc Dự án Khu công nghệ cao Hòa Lạc để đảm bảo rằng kế hoạch này được lập với sự tham gia của người BAH và các biện pháp phục hồi tích cực và hiệu quả sẽ được phát triển và thực thi đáp ứng yêu cầu của người BAH.

E. Thực hiện các hoạt động chuẩn bị

56. Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hoạt động: rà phá bom mìn và xây dựng hàng rào để bảo vệ chống tái lấn chiếm tại khu đất được giao. Ngoài ra, các hoạt động chuẩn bị khác như thiết kế các hạng mục công trình của Dự án, đấu thầu tuyển chọn tư vấn và nhà thầu xây lắp cũng cần được triển khai một cách tích cực.

F. Sự phối hợp với các hoạt động xây dựng

57. Các hoạt động xây dựng của Dự án ĐHKHCN Hà Nội cần được chuẩn bị sẵn sàng để có thể bắt đầu thực hiện ngay khi tiếp nhận đất sạch từ Ban QLKCNC Hòa Lạc.

58. Ban QLDAĐHKHCN Hà Nội cần có các biện pháp để đảm bảo rằng việc xây dựng các công trình của Dự án sẽ chỉ được bắt đầu trên khu đất sạch sau khi đã hoàn thành đền bù, hỗ trợ cho các hộ BAH.

Phụ lục 1: Danh sách cán bộ đã làm việc với Tư vấn

- 1. Ban Quản lý Dự án ĐHKHCN Hà Nội**
 - Ông Nguyễn Văn Ngữ - Giám đốc
 - Ông Nguyễn Quốc Huy - Phó Giám đốc
 - Ông Hoàng Trường Nam - Tư vấn đánh giá nội bộ TĐC
 - Ông Lê Văn Đua – Cán bộ Dự án
- 2. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc**
 - Ông Nguyễn Duy Thắng – Phó trưởng phòng Quản lý đất đai.
 - Ông Chu Sỹ Huân - Cán bộ Ban Quy hoạch
- 3. Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Thạch Thất**
 - Ông Nguyễn Thành Khôi –Phó trưởng Ban – Ban ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất
- 4. UBND xã Tân Xã**
 - Ông Lê Văn Bắc - Chủ tịch UBND xã Tân Xã
 - Ông Lê Hồng Minh - Trưởng thôn I - xã Tân Xã
- 5. UBND xã Bình Yên**
 - Ông Lê Văn Mão – Chủ tịch UBND xã Bình Yên
 - Ông Ngô Văn Ngọt – Trưởng thôn Thái Bình
 - Ông Ngô Văn Lành – Phó thôn Thái Bình
 - Ông Ngô Văn Lược - Trưởng thôn Cánh Chủ
 - Ông Trần Tám – Phó thôn Cánh Chủ
 - Ông Nguyễn Văn Hương – Cán bộ địa chính – UBND xã Bình Yên
 - Bà Hoàng Thị Sen – Chủ tịch Hội phụ nữ Xã Bình Yên

Phụ lục 2: Bảng phỏng vấn hộ gia đình bị ảnh hưởng tái định cư

Xin chào ông (bà), tôi là Chuyên gia giám sát thực hiện Kế hoạch tái định cư cho “Dự án Trường Đại học khoa học và Công nghệ Hà Nội”. Mong ông (bà) cung cấp thông tin chính xác nhất về việc thực hiện Kế hoạch TĐC trong thời gian qua.

Thông tin do ông (bà) cung cấp chỉ được sử dụng để đánh giá và nâng cao hiệu quả thực hiện Kế hoạch TĐC. Những thông tin do ông bà cung cấp sẽ được giữ bí mật.

I. Thông tin chung về hộ gia đình và tài sản bị ảnh hưởng

1. Họ và tên người trả lời:
2. Họ và tên chủ hộ: Giới tính: Nam / Nữ
3. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:
 - Số nhà:
 - Phường/xã:
 - Quận/huyện:
4. Địa chỉ chỗ ở trước khi nhận đền bù: (ghi rõ thời gian nhận đền bù)
 - Số nhà:
 - Phường/xã:
 - Quận/huyện:
5. **Gia đình ông bà có thuộc diện gia đình chính sách:**
 - a. Hộ nghèo 1
 - b. Hộ có người tàn tật, thương binh 2
 - c. Hộ có người liệt sĩ già cả neo đơn: 3
 - d. Không 4
6. **Tài sản bị ảnh hưởng:**
 - a. Ảnh hưởng đối với đất: 1 (chuyển sang câu số 7)
 - b. Ảnh hưởng đối với nhà cửa/vật kiến trúc 2 (chuyển sang câu số 8)
 - c. Ảnh hưởng đối với những tài sản khác 3 (chuyển sang câu số 9)
 - d. Ảnh hưởng đối với cây cối, mùa màng 4 (chuyển sang câu số 10)

II. Chi tiết tài sản bị ảnh hưởng, đền bù và quyền lợi (chỉ hỏi các hộ BAH tại xã Bình Yên)

7. Ảnh hưởng về đất

7.1. Tình trạng sở hữu trước khi nhận đền bù

- Có giấy tờ hợp pháp / có thể hợp pháp: 1
- Thuê đất từ chủ hợp pháp: 2
- Sở hữu và sử dụng đất nhưng không có giấy tờ hợp lệ: 3
- Khác (nêu rõ) _____

7.2 Số năm sử dụng đất bị ảnh hưởng:

- Dưới 05 năm 1
- Từ 5 - 10 năm 2
- Trên 10 năm 3

7.3 Loại đất bị ảnh hưởng

- Đất ở 1
- Đất trồng lúa 2
- Đất trồng màu 3
- Đất rừng 4
- Đất vườn 5
- Khác (ghi rõ):

7.4 Thông tin về đất bị ảnh hưởng

- BAH toàn bộ 1
- Một phần, tương đương với % diện tích đất của hộ sau đây:
 - 0-10% (a)
 - 10-70% (b)
 - Trên 70% (c)
- Không biết 2
- Khác (ghi rõ):

7.5 Trả tiền đền bù

- 01 lần 1
- 02 lần 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

7.6 Nếu không nhận được tiền đền bù đất, ông bà có biết lý do tại sao ?

.....

7.7 Nếu bị mất đất thì ông (bà) đã nhận được hỗ trợ nào?

- Thường tiến độ bàn giao mặt bằng 1. Số tiền.....
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm 2. Số người được hỗ trợ:
- Hỗ trợ ổn định đời sống 3. Số tiền.....VND
- Khác (nêu rõ):

7.8 Ông / bà có hài lòng với mức giá đền bù, hỗ trợ TĐC không ? Có / Không

8. Vật kiến trúc/nhà, cửa hàng

8.1 Tình trạng sở hữu

- Có giấy tờ hợp pháp / có thể hợp pháp 1
- Không có giấy tờ hợp pháp / không thể hợp pháp 2
- Khác (ghi rõ)

8.2 Nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh hưởng được sử dụng cho mục đích gì:

- Chỉ để ở 1
- Để ở và kinh doanh 2
- Chỉ để kinh doanh (cửa hàng độc lập) 3
- Khác (ghi rõ)

8.3 Loại nhà/vật kiến trúc bị ảnh hưởng được xếp loại nào?

- Nhà tạm 1
- Nhà cấp 4 2
- Nhà 1 tầng 3

- Nhà 2 tầng 4
- Nhà ≥ 3 tầng 5

8.4 Thông tin về nhà/vật kiến trúc bị ảnh hưởng

- Toàn bộ 1
- Một phần 2. Tương đương với % tổng diện tích nhà của hộ
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

8.5 Ông/bà được đền bù, hỗ trợ thế nào ?

- Được trả tiền đền bù cho nhà và đất theo giá thay thế 1
- Trả tiền đền bù cho nhà, không trả tiền đất 2
- Được hỗ trợ kinh phí thuê nhà trong thời gian xây dựng 3
- Khác (ghi rõ):

8.6 Hình thức trả tiền đền bù

- Trả tiền đền bù 1 lần: 1
- Trả tiền đền bù 2 lần: 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

8.7 Khi nào ông / bà nhận được tiền đền bù ?

- Trước khi phá dỡ 1
- Trong khi phá dỡ 2
- Sau khi phá dỡ 3
- Không biết 4
- Khác (ghi rõ):

8.8 Kể từ khi nhận tiền đền bù, sau bao lâu ông/bà phải di dời tài sản bị ảnh hưởng?

- Dưới 01 tháng 1
- Từ 1 - 2 tháng 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

8.9 Nếu bị di dời tới nơi ở mới ông / bà có hài lòng với chỗ ở mới không

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

9. Tài sản cố định khác bị ảnh hưởng

- Giếng nước: 1. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Đường ống nước: 2. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Đường điện 3. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Nhà thờ 4. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Mỏ mả 5. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Tường rào 6. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Không biết.....

10. Ảnh hưởng đối với cây cối, mùa màng:

- Lúa 1. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Màu (sắn,...) 2. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Các loại cây khác 3. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Không biết:

11. Các hỗ trợ khác: Có Không Không áp dụng

Nếu có, xin cho biết hỗ trợ nào dưới đây

- Hỗ trợ cho hộ gia đình có phụ nữ là chủ hộ: 1
- Hỗ trợ cho hộ gia đình có người tàn tật: 2
- Hỗ trợ cho hộ nghèo: 3
- Hỗ trợ cho hộ gia đình bị AH toàn bộ nhà: 4
- Không 5
- Khác (ghi rõ)

III. Sự tham gia của cộng đồng và giải quyết khiếu nại (chỉ hỏi các hộ BAH tại xã Bình Yên)

12. Ông / bà có được dự họp cộng đồng trước đo đạc kiểm đếm chi tiết không ?

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ)

13. Ông bà có được ký vào biên bản đo đạc khảo sát chi tiết không ?

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3

14. Ông bà có nhận được phương án đền bù từ Hội đồng ĐBHTTĐC không ?

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ)

15. Ông/bà có được giải thích về cách thức tính tiền đền bù không?

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác(ghi rõ)

16. Ông / bà có ký vào biên bản thanh toán tiền đền bù không?

- Có..... 1
- Không 2
- Không biết..... 3
- Khác

17. Ông/bà có phản nản/khiếu nại gì việc đền bù giải tỏa không ?

- Có..... 1
- Không 2
- Không biết..... 3

- Khác(ghi rõ)

Nếu có:

a. Ông bà có khiếu nại/phàn nàn về vấn đề gì:

.....

b. Ông bà đã gửi đơn khiếu nại/phàn nàn tới cơ quan / tổ chức nào

- Tên cơ quan / tổ chức thứ nhất.....
- Tên cơ quan / tổ chức thứ hai.....
- Tên cơ quan / tổ chức thứ ba.....
- Không biết
- Khác (ghi rõ).....

c. Sau bao lâu thì ông bà nhận được trả lời của cơ quan/tổ chức nói trên

- Cơ quan / tổ chức thứ nhất
- Cơ quan / tổ chức thứ hai.....
- Cơ quan / tổ chức thứ ba
- Không biết.....
- Khác (ghi rõ)

d. Ông/bà có hài lòng với kết quả giải quyết của cơ quan nói trên không

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ).....

IV. Hoàn cảnh sống và mức sống

18. Ông/bà cho biết nghề nghiệp của gia đình trước khi nhận đền bù là gì

Nghề nghiệp chính

Nghề nghiệp phụ

(Dành nhiều thời gian)

(Dành ít thời gian)

.....

19. Thu nhập trung bình hàng tháng của nhà ông/bà (trước đền bù) ?

- đồng/tháng

- Không biết

20. Nguồn thu nhập của ông bà là từ nguồn nào (trước đền bù) ?

- Nguồn thu nhập chính

- Nguồn thu nhập phụ

21. Ông/bà cho biết nghề nghiệp hiện tại của gia đình ông bà là gì?

Nghề nghiệp chính

Nghề nghiệp phụ

(Dành nhiều thời gian)

(Dành ít thời gian)

.....

22. Hiện nay, thu nhập trung bình hàng tháng của nhà ông / bà là bao nhiêu ?

- đồng/tháng

- Không biết

23. Nguồn thu nhập của ông bà là từ nguồn nào (sau khi nhận đền bù) ?

- Nguồn thu nhập chính

- Nguồn thu nhập phụ

24. Khả năng phục hồi thu nhập / sinh kế của gia đình trong thời gian tới ?

- Có 1 Không 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ)

25. Theo ông / bà, những hỗ trợ nào là cần thiết để giúp ông bà phục hồi thu nhập và sinh kế trong thời gian tới:

- Đào tạo nghề: 1. Ghi rõ nghề nghiệp cần đào tạo:
- Hỗ trợ vay vốn 2.
- Khác (ghi rõ)

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

Người phỏng vấn

Trưởng thôn

Danh sách các hộ BAH tại xã Tân Xã và xã Bình Yên

1. Danh sách các hộ BAH tại khu 26 ha – xã Tân Xã

No.	Tên chủ hộ	Tổng diện tích đất BAH (m ²)	Diện tích đã trả tiền (m ²)	Loại đất BAH
1	Dương Tiến Chức	324.6	324.6	L
2	Nguyễn Đình Nghi	262.6	262.6	L
3	Nguyễn Đình Vĩ (Sự)	304.4	304.4	L
4	Dương Tiến Thành	281.2	281.2	L
5	Dương Tiến Thành	563.1	563.1	L
6	Đỗ Văn Sắc	517.2	517.2	L
7	Chu Văn Tuấn (Quyền)	612.1	612.1	L
8	Chu Văn Tuấn (Quyền)	95.9	95.9	HM
9	Chu Văn Tuấn (Quyền)	73.0	73.0	HM
10	Dương Tiến Yêu (Thiên)	426.9	426.9	L
11	Nguyễn Tiến Thuận	339.4	339.4	HM
12	Trương Hồ Cung	684.5	684.5	L
13	Trương Hồ Cung	275.1	275.1	L
14	Nguyễn Văn Lượng (Sáng)	189.3	189.3	L
15	Nguyễn Văn Lượng (Sáng)	717.8	717.8	L
16	Dương Tiến Tình	110.5	110.5	HM
17	Trương Công Kim	330.8	330.8	L
18	Chu Văn Mơ (Kiếm)	287.1	287.1	L
19	Chu Văn Hành (Thực)	241.3	241.3	L
20	Dương Tiến Ái	399.4	399.4	L
21	Dương Tiến Ái	295.6	295.6	L
22	Trương Thị Hồi	221.8	221.8	L
23	Chu Hữu Điều	255.9	255.9	L
24	Chu Hữu Điều	154.8	154.8	L
25	Nguyễn Văn Đô	219.5	219.5	L
26	Nguyễn Văn Hà (Mỳ)	292.2	292.2	L
27	Nguyễn Văn Hà (Mỳ)	1,084.7	1,084.7	HM
28	Nguyễn Huy Cấn (Sự)	291.7	291.7	L
29	Nguyễn Tiến Luận (Ngà)	272.4	272.4	L
30	Dương Tiến Chiến	420.8	420.8	L
31	Trương Công Quỳnh	216.7	216.7	L
32	Nguyễn Huy Hình	759.8	759.8	L
33	Nguyễn Huy Hình	390.7	390.7	L
34	Trương Thị Phục	118.5	118.5	L
35	Trương Thị Phục	559.4	559.4	L
36	Trương Thị Phục	104.4	104.4	L
37	Trương Công An	340.3	340.3	L
38	Trương Công An	638.2	638.2	L
39	Trương Công An	306.0	306.0	L
40	Nguyễn Văn Quảng	123.5	123.5	HM
41	Nguyễn Đình Tự	162.8	162.8	L
42	Phạm Viết Phụ (Nhật)	362.7	362.7	L

43	Phạm Viết Phụ (Nhật)	373.4	373.4	HM
44	Chu Văn Dậu (Huệ)	545.4	545.4	L
45	Trương Công Danh	167.0	167.0	HM
46	Nguyễn Tiến Toàn	255.5	255.5	L
47	Phạm Thị Nụ	331.5	331.5	L
48	Dương Tiến Lệ	222.7	222.7	L
49	Nguyễn Thị Oanh	361.0	361.0	L
50	Nguyễn Thị Oanh	146.8	146.8	HM
51	Nguyễn Thị Oanh	186.8	186.8	L
52	Nguyễn Tiến Tích	474.1	474.1	L
53	Nguyễn Văn Hồng	396.2	396.2	HM
54	Nguyễn Văn Hồng	772.7	772.7	L
55	Nguyễn Văn Lượng (Liên)	298.5	298.5	L
56	Nguyễn Văn Lượng (Liên)	181.2	181.2	L
57	Dương Tiến Chức	603.6	603.6	HM
58	Dương Tiến Chức	836.3	836.3	HM
59	Nguyễn Văn Lộc (Phụng)	519.2	519.2	HM
60	Nguyễn Văn Trình	661.1	661.1	L
61	Nguyễn Văn Lượng (Hoa)	327.9	327.9	HM
62	Nguyễn Văn Lượng (Hoa)	172.5	172.5	HM
63	Chu Văn Tuấn (Quyền)	350.3	350.3	HM
64	Nguyễn Văn Tròn (Dung)	340.8	340.8	L
65	Tô Thành Trung	212.7	212.7	HM
66	Nguyễn Thị Hạnh	161.5	161.5	HM
67	Nguyễn Thị Hạnh	252.5	252.5	HM
68	Nguyễn Thị Hạnh	509.1	509.1	HM
69	Nguyễn Tiến Lực (Duyên)	578.4	578.4	HM
70	Nguyễn Tiến Lực (Duyên)	97.9	97.9	HM
71	Nguyễn Văn Đô	80.8	80.8	HM
72	Nguyễn Văn Đô	124.1	124.1	HM
73	Nguyễn Văn Đô	347.2	347.2	HM
74	Trương Công Quỳnh	571.9	571.9	HM
75	Nguyễn Văn Diện(Nón)	389.5	389.5	L
76	Nguyễn Văn Diện(Nón)	87.0	87.0	L
77	Nguyễn Văn Diện(Nón)	88.0	88.0	L
78	Nguyễn Văn Quảng	233.3	233.3	L
79	Nguyễn Văn Quảng	188.5	188.5	L
80	Nguyễn Văn Quảng	51.8	51.8	L
81	Nguyễn Văn Quảng	249.8	249.8	HM
82	Nguyễn Văn Quảng	267.4	267.4	HM
83	Nguyễn Văn Quảng	118.3	118.3	HM
84	Lê Văn Năm (Hiền)	235.4	235.4	HM
85	Nguyễn Thị Tuyết	408.3	408.3	L
86	Nguyễn Tiến Thu	270.8	270.8	HM
87	Nguyễn Tiến Thu	135.3	135.3	HM
88	Nguyễn Tiến Thu	419.2	419.2	HM
89	Nguyễn Tiến Thu	282.0	282.0	HM
90	Dương Tiến Quyền	44.4	44.4	HM

91	Dương Tiến Quyền	318.2	318.2	HM
92	Nguyễn Huy Bộ	442.3	442.3	L
93	Nguyễn Văn Ngạn	223.7	223.7	L
94	Chu Văn Tuấn (Quyền)	547.3	547.3	L
95	Dương Tiến Thái	520.0	520.0	L
96	Nguyễn Tiến Hoàng	434.3	434.3	L
97	Dương Tiến Đổ (Hoa)	637.8	637.8	L
98	Nguyễn Huy Thiết (Thắm)	304.2	304.2	HM
99	Nguyễn Tiến Hoàng	346.7	346.7	L
100	Dương Tiến Dụng (Hoa)	328.9	328.9	L
101	Nguyễn Huy Quang	281.2	281.2	L
102	Dương Tiến Chí	188.4	188.4	L
103	Nguyễn Huy Thịnh	228.1	228.1	L
104	Nguyễn Thị Tín	608.4	608.4	L
105	Nguyễn Thị Vân	4,439.7	4,439.7	HM
106	Nguyễn Đình Nghi	312.1	312.1	L
107	Chu Văn Toán	193.2	193.2	L
108	Dương Tiến Chí	202.1	202.1	L
109	Bùi Xuân Thích (Vượng)	667.3	667.3	L
110	Nguyễn Hải Vân	404.1	404.1	L
111	Chu Văn Hà	142.7	142.7	L
112	Nguyễn Đình Tự	806.4	806.4	L
113	Nguyễn Tiến Toán	243.0	243.0	L
114	Trương Công Quỳnh	347.1	347.1	L
115	Nguyễn Văn Tròn (Dung)	367.7	367.7	L
116	Trương Hồ Cung	2,620.5	2,620.5	HM
117	Bùi Xuân Thích (Vượng)	462.5	462.5	L
118	Nguyễn Thị Hoá	259.5	259.5	L
119	Dương Tiến Đồng	772.3	772.3	L
120	Nguyễn Tiến Toàn	929.9	929.9	*
121	Phùng Văn Sỹ	287.4	287.4	L
122	Phạm Thị Thu (Láng)	474.5	474.5	L
123	Bùi Xuân Thích (Vượng)	161.3	161.3	L
124	Phạm Thừa Sử	166.5	166.5	L
125	Đặng Thị Hà	341.9	341.9	L
126	Nguyễn Thị Hiền	178.2	178.2	L
127	Đặng Thị Hà	287.2	287.2	L
128	Nguyễn Tiến Dũng (Nhà)	383.3	383.3	
129	Nguyễn Văn Thanh	15,398.8	15,398.8	R
130	Nguyễn Tiến Dũng	1,944.0	1,944.0	*
131	Nguyễn Tiến Toán	898.0	898.0	L
132	Nguyễn Tiến Toán	181.6	181.6	L
133	Nguyễn Tiến Dũng (Nhà)	1,563.3	1,563.3	*
134	Nguyễn Tiến Toàn	774.8	774.8	V
135	Nguyễn Tiến Toán	508.3	508.3	HM
136	Chu Văn Toán	9,039.5	9,039.5	R
137	Trương Công An (cũ) Ng.V.Thanh (M)	6,173.5	6,173.5	R
138	Chu Văn Sáng	33,225.4	33,225.4	R

139	Nguyễn Đình Cảnh	885.3	885.3	L
140	Dương Tiến Chức	613.3	613.3	HM
141	Phạm Thị Thu (Láng)	9,632.3	9,632.3	R
142	Lê Dương Thùy Chi	8,473.1	8,473.1	R
143	Nguyễn Văn Hoán	15,595.3	15,595.3	R
144	Ng. Đ. Hạnh(M) Ng. V. Triệu (cũ)	11,186.0	11,186.0	V
145	Nguyễn Văn Triệu	360.0	360.0	V
146	Ng V Lượng (UQ Ng. Đức Hạnh)	316.0	316.0	V
147	Ng. V Triệu (UQ Ng. Đức Hạnh)	1,106.0	1,106.0	V
148	Ng. V. Dự (UQ Ng. Đức Hạnh)	1,200.0	1,200.0	V
149	Nguyễn Văn Quân	3,710.4	3,710.4	R
TỔNG CỘNG		173,203.0	173,203.0	

Nguồn: tổng hợp số liệu từ Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất.

2. Danh sách các hộ BAH tại khu 52,7 ha – xã Bình Yên

TT	Họ và tên chủ hộ	Diện tích
1	Đỗ Văn Đắc - Đỗ Minh Đắc - Nguyễn Thị Quy	470.9
2	Đỗ Văn Mun (con Đỗ Văn Khởi)	275.7
3	Đỗ Văn Năm- Nguyễn Thị Đường	222.4
4	Đỗ Văn Toàn - Nguyễn Thị Hiền	170.6
5	Bùi Văn Tu - Nguyễn Thị Mỹ	194.4
6	Hoàng Thị Huệ (con Kiều Thị Lan)	339.6
7	Nguyễn Đình Ngôn- Hoàng Thị Nhân	351.4
8	Nguyễn Đình Thao (con Nguyễn Đình Việt)	312.4
9	Nguyễn Ngọc Lan (giấy giao đất)- Nguyễn Văn Lan (số HK)- Nguyễn Thị Lý	690.2
10	Nguyễn Thị Thìn - 1927	271.6
11	Nguyễn Văn Nghĩa - Ngô Thị Huệ	488.6
12	Nguyễn Văn Sửu- Nguyễn Thị Khuyên	236.6
13	Trần Văn Khôi- Hoàng Thị Diện	111.4
14	Trần Văn Lợi (giấy giao đất)- Trần Đức Lợi (số HK)- Nguyễn Thị Lý	255.3
15	Trần Văn Sang (giấy giao đất)- Trần Văn Ty (số HK)- Đỗ Thị Năm	427.5
16	Đỗ Văn Xuất- Ngô Thị Hoa	260.0
17	Nguyễn Thị Dán	240.0
18	Nguyễn Thị Ngử (con Đỗ Văn Tân)	238.7
19	Nguyễn Văn Chén - Nguyễn Thị Thập	212.5
20	Trần Văn Cán- Nguyễn Thị Đậu	450.3
21	Nguyễn Văn Huệ - Nguyễn Thị Thiệu	917.9
22	Đỗ Văn Kính - Phùng Thị Na	444.5
23	Đỗ Văn Hồng - Nguyễn Thị Ngà	136.7
24	Đỗ Văn Hoan - Nguyễn Thị Chiêm	176.7
25	Vũ Thị Chinh (con Nguyễn Văn hóng)	512.8
26	Nguyễn văn Khuê - Nguyễn Thị Chiến	911.3
27	Hoàng Thị Xuân (con Trần Văn Thắng)	127.3
28	Nguyễn Văn Nghĩa- Nguyễn Thị Na	516.8
29	Đỗ Văn Tý- Hoàng Thị Vờn	613.0
30	Nguyễn Văn Bang- Khuất Thị Thúy	47.4
31	Hoàng Văn An- Trần Thị nga	619.4
32	Đỗ Văn Huỳnh- Nguyễn Thị Sâm	177.8
33	Nguyễn Thị Tích (con Nguyễn Thị Huyền)	846.5
34	Hoàng Thị Thổ (con Lại Văn Hiệp)	840.3
35	Nguyễn Đình Định- 1954	787.8
36	Nguyễn Thị Giàng- 1960	433.2
37	Cao Văn Hẹ- Nguyễn Thị Lợi	754.0
38	Nguyễn Thị Lan- 1959	543.0
39	Đỗ Văn Lực- Kiều Thị Hên	824.3
40	Hoàng Văn Thơm- Đỗ Thị Mai	763.9
41	Nguyễn Thị Mâm- 1951	149.1
42	Nguyễn Đình Sáng- Đỗ Thị Hằng	374.0
43	Hoàng Thị Huệ- 1961	833.9
44	Nguyễn Đình Thất- Hoàng Thị Hương	872.4
45	Đình Công Ty (1959)	633.2
46	Ngô Đức Vụ (1957)	1,007.7
47	Quách Thị Đà (1963)	1,734.9
48	Ngô Văn Tính (1920)	2,043.7
49	Đào Xuân Chi (1956)	2,131.2
50	Ngô Văn Lành (1958)	1,375.5
51	Quách Đình Lu (1942)	1,652.8
52	Ngô Văn Ngạch (1930)	1,009.7
53	Trần Đức Đạo (1939)	329.9
54	Tăng Hữu Hà - nguyên thị chúc	1,422.4
55	Quách Thị Lành (1960)	817.2
56	NGô Văn Lễ (1961)	1,434.7
57	Trần Đức Yên (1955)	425.7
58	Đào Xuân Anh (1981) (Bố đẻ là Đào Xuân Mân -Đã chết)	222.8
59	Quách Đình Kết (1967)	427.1
60	Khuất Duy Thắng - Đào Thị Na	1,107.3
61	Tăng Hữu Mộc (1955)	1,257.8
62	Tăng Thị Thọ (1950)	493.9

63	Nguyễn Thị Ca (1955)(Bố Ng Văn Tụng- đã chết)	461.0
64	Đào Xuân Sâm (1920)	865.4
65	Quách Đình Cam (:1960)	1,558.1
66	Ngô Gia Lạp (1960)	2,013.7
67	Ngô Gia Lạp (1960)	308.3
68	Khuất Duy Toàn (1973)	896.5
69	Ngô Đức Viên (1960)	2,207.6
70	Tăng Hữu Giang - Vương Thị Đức	249.4
71	Nguyễn Thị Thăng (1937)(GCN mang tên chồng Tăng Hữu Ninh - Đã chết)	964.7
72	Tăng Thị Kỳ (1968)	397.7
73	Đào Xuân Chi (1956)	413.0
74	Tăng Hữu Tuấn (1972)	258.1
75	Trần Đức Hùng (1960)GCN Trần Đình Hùng	1,514.5
76	Quách Đình Hồng (1965)	1,540.0
77	Ngô Thị Tuyết -1971	2,250.0
78	Khuất Duy Cát (1955)	2,584.1
79	Quách Thị Hương (1958)	864.5
80	Quách Thị Tách - (1950)	457.5
81	Ngô Ngọc Thanh (1968)GCN:Ngô Văn Thanh	347.5
82	Nguyễn Văn An - Đào Thị Thanh	144.3
83	Ngô Văn Chúc (1945)	1,496.4
84	Ngô Văn Thất - Nguyễn Thị Sáng	444.8
85	Nguyễn Thị Nhân (1965)chồng là Ngô Văn Phú (đã chết)	2,136.5
86	Quách Đình Nền - Ngô Thị Bội	2,434.2
87	Ngô Văn Thông (1964)	2,329.8
88	Tăng Hữu Sơn (1952)	1,348.1
89	Ngô Gia Năng (1944)(GCN: Ngô Văn Năng)	2,524.9
90	Tăng Hữu Thu (1959)	104.7
91	Ngô Văn Lai - Hoàng Thị Nụ	567.0
92	Ngô Đức Bang - Nguyễn Thị Hoan	668.4
93	Lê Thị Lý (1965)Chồng Ngô Văn Nghi	1,519.5
94	Trần Đức Gia (1962)	1,756.3
95	Nguyễn Văn Sinh (1960)	1,398.7
96	Ngô Văn Gia - Vương Thị Niên	487.6
97	Ngô Văn Ngãi (1930)	1,687.5
98	Ngô Văn Thôn (1955)	1,277.2
99	Khuất Duy Cát (1955)	257.2
100	Ngô Đức Bang - Nguyễn Thị Hoan	111.2
101	Ngô Thị Hồng- (1931)	353.0
102	Ngô Thị Tuyết -1971	42.1
103	Ngô Văn Thất - Nguyễn Thị Sáng	501.1
104	Ngô Gia Năng (1944)(GCN:Ngô Văn Năng)	303.9
105	Đào Xuân Nê - Tạ Thị Nghi	77.1
106	Tăng Thị Đông (1961)	733.7
107	UBND xã Bình Yên (Thôn Thái Bình)	19,589.8
108	Tăng Hữu Sơn (1952)	266.1
109	Ngô Văn Tuyển (: 1965)	144.4
110	Ngô Đức Bang	296.9
111	UBND xã Bình Yên	6,361.4
112	Quách Đình Nền - Ngô Thị Bội	82.6
113	Nguyễn Thị Vốn (: 1955)	1,261.7
114	Ngô Văn Sáu - Nguyễn Thị Thịnh	499.4
115	Trần Đức Chất (1972)	226.1
116	Ngô Văn Thú - Nguyễn Thị Nè	580.2
117	Ngô Văn Tăng (1975)	646.2
118	Nguyễn Xuân Dẻo (:1950)	766.5
119	Ngô Đức Lân - Nguyễn Thị Sứ	1,863.1
120	Trần Đức Tý - Nguyễn Thị Th	540.0
121	Ngô Văn Xuất (:1960)	1,015.4
122	Nguyễn Tiến Quang (1966)(GCN: Nguyễn Văn Cường)	85.7
123	Ngô Thị Đại (1938)(Chồng Quách Đình Thảo - đã chết)	1,310.6
124	Trần Đức Liên (1957)	2,942.0
125	Vương Thị Vách (1965) (GCN: Vương Thị Bách)	248.1
126	Ngô Văn Tơ (1940)	613.1
127	Ngô Thị Năm (1942)(Chồng Ngô Văn Định)	1,533.7
128	UBND xã Bình Yên	5,900.4

129	Đào Xuân Khăng - Nguyễn Thị Sáu	74.2
130	Ngô Văn Tục (GCN: Ngô Đức Tục)	281.5
131	Đào Xuân Sửu - Nguyễn Thị Lan	423.7
132	Nguyễn Xuân Bùi - Nguyễn Thị Thật	534.5
133	Trần Đức Sáu - Khuất Thị Hoa	238.2
134	Nguyễn Thị Lan (1957)	749.3
135	Quách Đình Thuận (1960) (GCN: Quách Đình Hào)	2,472.8
136	UBND xã Bình Yên	4,927.40
137	Đào Xuân Ngọc - Vương Thị Toàn	225.5
138	Trần Đức Vây	965.7
139	Khuất Duy Cát - Kiều Thị Thái	320.9
140	Ngô Văn Tính - Vương Thị Tính	288.3
141	Đình Công Thoa - Phùng Thị Mai	1,126.2
142	Quách Đình Hồng - Ngô Thị Dung	150.7
143	Khuất Duy Toàn - Đỗ Thị Hương	206.1
144	Đào Xuân Luật (1969)	360.5
145	Ngô Văn Quý - Đỗ Thị Chính	463.7
146	Ngô Thị Đoàn (1944)	369.9
147	Nguyễn Thị Hoa (1952) (GCN mang tên: Nguyễn Thị Huệ - là mẹ, đã chết)	197.7
148	Ngô Thị Mận (1939)	348.6
149	Trần Đức Cảnh - Nguyễn Thị Miên	1,166.4
150	Ngô Thị Chụ (1940)	157.3
151	Nguyễn Văn Sinh - Ngô Thị Đạt	1,971.4
152	Nguyễn Văn Kiên (1971)	406.5
153	Nguyễn Thị Cầu - Trần Văn Dỹ	1,823.5
154	Ngô Văn Vui - Hoàng Thị Thúy	4,693.6
155	Nguyễn Văn An - Đào Thị Thanh	2,152.4
156	Ngô Văn Lễ - Tạ Thị Đề	922.8
157	Trần Đức Đa - Nguyễn Thị Liên	1,419.9
158	Đào Xuân Chi - Đình Thị Tân	177.1
159	Nguyễn Ngọc Hải - Bùi Thị Chanh	223.9
160	Hoàng Thị Đào (1958)	365.2
161	Nguyễn Thị Bục (1938)(Chồng Đỗ Văn Lễ)	607.6
162	Đỗ Văn Bằng - Hoàng Thị Đàm	561.6
163	Hoàng Thị Xuân (1961)	300.0
164	Nguyễn Thị Bàn (1957)	757.4
165	Nguyễn Tất Thắng - Nguyễn Thị Thơi	1,051.6
166	Hoàng Công Phong (cây trồng trên đất công)	
167	Đỗ Văn Hân (1953)	429.1
168	Nguyễn Văn Lâu (1951)	441.3
169	Nguyễn Thị Nhân (1963)	389.9
170	Đỗ Văn Thành (1964)	595.5
171	Hoàng Văn Thu - Đào Thị Sen	239.3
172	Hoàng Văn Tá - Ngô Thị Liễu	360.0
173	Đào Thị Du (1930)	37.9
174	Nguyễn Văn Phụng - Đỗ Thị Sen	216.0
175	Nguyễn Thị Liên (1963)	748.1
176	Nguyễn Đình Sáng - Đỗ Thị Tạo	1,598.0
177	Cao Thị Hà (1960)Chồng Đỗ Văn Hải	665.0
178	Nguyễn Đình Hùng	1,286.7
179	Đỗ Văn Hợi	479.2
180	Nguyễn Đình Xoan (1960)	518.0
181	Nguyễn Đình Bầy (1972)	513.8
182	Nguyễn Thị Hà - 1945	342.0
183	Phan Văn Toàn (1990)mẹ Phan Thị Tèo	422.5
184	Nguyễn Văn Lăng	2,059.3
185	Kiều Thị Liên (1944)	364.9
186	Hoàng Quốc Trị (1933)	202.1
187	Nguyễn Đình Thao (1957)	855.5
188	Đỗ Văn Mùi (1963)	557.7
189	Hoàng Văn Tài (1934)	306.6
190	Trần Văn Toán - Lê Thị Thanh	464.1
191	Nguyễn Thị Chanh (1964)	96.5
192	Nguyễn Văn An (1932)	824.0
193	Nguyễn Đình Tám - Ngô Thị Lâm	744.5
194	Nguyễn Đình Ngôn (1914)	532.5

195	Bùi Thị Tạng (1942)	305.3
196	Nguyễn Thị Lân (1956)	246.4
197	Đỗ Thị Huệ (1930)	582.8
198	Nguyễn Đình Thực (1979)Mẹ Nguyễn Thị Lụa	536.0
199	Nguyễn Thị Liên (1963)Hoàng Văn Dược	536.8
200	Nguyễn Thị Luyện (1963)	400.0
201	Hoàng Văn Thơm (1933)	246.6
202	Đỗ Văn Lập - Nguyễn Thị Mây	440.3
203	Hoàng Văn Long - Nguyễn Thị Hằng	464.0
204	Nguyễn Văn Nghĩa - Ngô Thị Huệ	381.9
205	Nguyễn Thị Khoát (1936)	483.6
206	Nguyễn Thị Loan (1966) (Hoàng Văn Phú	373.3
207	Hoàng Văn Thất (1971)	396.6
208	Nguyễn Thị Hương (1977)Mẹ Hoàng Thị Mùi	765.5
209	Nguyễn Văn Sử (1959)	617.4
210	Nguyễn Thị Liên (1933)	1,165.4
211	Nguyễn Thị Thuối (1962)Chồng Trần Văn Tiến	247.5
212	Trần Thị Dũng (1932)	1,041.7
213	Hoàng Thị Đào (1958)	501.9
214	Lê Thị Lý (1965)	270.6
215	Ngô Thị Nhi (1964)	440.9
216	Quách Đình Cam	308.0
217	Quách Đình Cam - Vương Thị Thế	256.2
218	Quách Thị Tách (1950)	200.0
219	Ngô Đức Lân - Nguyễn Thị Sứ	940.6
220	Cao Thanh Xuân (1951)	293.0
221	Nguyễn Thị Thăng (1937) (Chồng Tăng Hữu Ninh)	1,653.3
222	Quách Thị Đà - Phạm Văn Tiến	155.6
223	Ngô Thị Chụ (1940)	296.6
224	Đào Xuân hùng - Nguyễn Thị Thắm	260.9
225	Trần Đức Sáu - Nguyễn Thị Hồng	1,162.7
226	Trần Đức Tý - Nguyễn Thị Th	276.7
227	Ngô Văn Gia - Vương Thị Niên	846.1
228	Ngô Văn Thất - Nguyễn Thị Sáng	1,059.7
229	Ngô Văn Vui - Hoàng Thị Thúy	98.8
230	Ngô Đức Viên - Nguyễn Thị Hồng	177.6
231	Tăng Hữu Hà - Nguyễn Thị Chúc	871.4
232	Ngô Đức La - Hoàng Thị Mùa	193.1
233	Đào Xuân Quý - Trần Thị Nhị	279.0
234	Khuất Duy Cát - Kiều Thị Thái	304.3
235	Ngô Gia Lập (1953)	480.1
236	Ngô Nhật Lương - Đào Thị Hồng	360.6
237	Ngô Thị Đại (1937)	226.4
238	Ngô Văn Thôn - Nguyễn Thị Xuân	340.5
239	Ngô Văn Thông - Kiều Thị Đáp	74.0
240	Tăng Hữu Sơn - Khuất Thị Phong	226.2
241	Nguyễn Xuân Đèo (1953)	328.3
242	Quách Đình Lu - Phùng Thị Tởng	1,892.8
243	Ngô Văn Ngạch - Nguyễn Thị Thanh	510.2
244	Nguyễn Thị Ca (Bố Nguyễn Văn Tụng)	271.6
245	Ngô Gia Năng - Trịnh thị Côi	560.6
246	Tăng Hữu Mão(Trồng cây trên đất công)	-
247	Khuất Duy Toàn - Đỗ Thị Hương	512.0
248	Trần Đức Chất - Hà Thị Vân	310.7
249	Quách Đình Thuận - Phí Thị Lan	239.0
250	Trần Đức Hùng - Ngô Thị Hoa	918.1
251	Quách Đình Thuận - Phí Thị Lan	227.6
252	Ngô Văn Gia - Vương Thị Niên	347.6
253	Vương Thị Tính (Chồng Ngô Văn Tính)	246.2
254	Ngô Thị Tuyết (1971)	493.4
255	Quách Thị Hương (1958)	540.5
256	Ngô Ngọc Thanh - Ngô Thị Thơm	100.1
257	Ngô Văn Xuất (1960)	94.6
258	Đào Xuân Trọng - Nguyễn Thị Hoan	709.2
259	Nguyễn Thị Phú (1956)	738.5
260	Đỗ Văn Lương (1967)	46.3

261	Đỗ Văn Nghị - Nguyễn Thị Liên	304.0
262	Nguyễn Thị Thái (1949)	357.9
263	Nguyễn Đình Cửu (1942)	1,524.3
264	Nguyễn Thị Thái (1949)	273.5
265	Nguyễn Thị Vy (1934)	753.3
266	Đào Xuân Tuấn - Đỗ Thị Viện	253.3
267	Ngô Văn Thủ - Nguyễn Thị Nè	898.9
268	Nguyễn Thị Lạng - Nguyễn Văn Thu	298.0
269	Ngô Văn Giới - Đào Thị Liên	497.1
270	Nguyễn Văn Sinh - Ngô Thị Đạt	309.8
271	Nguyễn Tiến Quang - Ngô Thị Huyền	441.6
272	Trần Đức Tiếp - Ngô Thị Đĩnh	1,737.7
273	Trần Văn Cán (1944)	1,341.7
274	Hoàng Thị Dậu	194.3
275	Nguyễn Văn Thu (1963)	276.0
276	Phan Minh Thuận - Đỗ Thị Lụa	63.4
277	Hoàng Văn Thắng - Nguyễn Thị Sân	489.2
278	UBND xã Bình Yên	5,765.9
279	Ngô Văn Sơn - Trịnh Thị Xạ	286.3
280	Ngô Văn Tơ - Nguyễn Thị Gối	152.5
281	Đào Xuân Thắng - Ngô Thị Ngoan	599.1
282	Ngô Gia Lạp - Nguyễn Thị Mão	2,410.1
283	Đỗ Văn Chung - Đào Thị Giá	294.8
284	Nguyễn Văn Dân - Nguyễn Thị Bến	490.1
285	Nguyễn Thị Tiệp (1945)	646.6
286	Bùi Thị Khiển (1957)	1,103.6
287	Cần Thị Liên (Chồng Nguyễn Văn Vui)	1,291.0
288	Đào Xuân Chi - Đinh Thị Tân	1,456.2
289	Ngô Văn Chúc - Ngô Thị Ty	2,299.6
290	Đào Xuân Luật (1936)	1,689.3
291	Phí Thị Th(1953)	445.9
292	Trần Đức Dũng - Nguyễn Thị Hồng	967.9
293	Tăng Hữu Mộc - Nguyễn Thị Chín	30.0
294	Nguyễn Văn An - Đào Thị Thanh	1,030.5
295	Trần Đức Vây - Ngô Thị Tân	161.1
296	Trần Đức Vây - Ngô Thị Tân	278.6
297	Ngô Văn Ngãi (1930)	347.1
298	Quách Thị Hương (1958)	53.7
299	Đỗ Thị Héo (1922)	347.0
300	Nguyễn Xuân Bùi - Nguyễn Thị Thật	177.0
301	Đào Xuân Thanh - Phùng Thị Vượng	200.1
302	Trần Đức Đạo - Ngô Thị Quýt	3,633.3
303	Đào Xuân Kháng - Nguyễn Thị Sáu	1,112.8
304	Đào Xuân Kháng (NĐUQ: Đào Thị Hương Thảo)	294.4
305	Đào Xuân Kháng - Nguyễn Thị Sáu	149.6
306	Nguyễn Thị Thái	892.4
307	Nguyễn Thị Hay (chồng Đỗ Văn Tuất)	662.4
308	Đỗ Văn Hồng - Nguyễn Thị Cấn	792.3
309	Đỗ Thị Nghi (Chồng Nguyễn Văn Dung)	1,333.5
310	Nguyễn Văn Vinh - Nguyễn Thị Bội	617.9
311	Vũ Thị Điệp - Đỗ Văn Hiền	501.2
312	Nguyễn Văn Tĩnh - Đỗ Thị Sinh	877.3
313	Nguyễn Văn Vinh - Nguyễn Thị Bội	275.2
314	Đỗ Thị Nghi (Chồng Nguyễn Văn Dung)	120.0
315	Đào Xuân Sửu - Nguyễn Thị Lan	294.4
316	Quách Đình Hùng (1963)	949.1
317	Nguyễn Đình Sâm- Nguyễn Thị Đình	1,044.7
318	Hoàng Văn Lệ - Đỗ Thị Minh	748.6
319	Đỗ Thị Kiềm (1950)	411.0
320	Nguyễn Thị Đình (1940)	410.3
321	Nguyễn Đức Mậu (1948)	1,253.7
322	Nguyễn Văn Tĩnh - Đỗ Thị Hùy	211.0
323	Quách Đình Nghĩa - Tạ Thị Mai	191.9
324	Nguyễn Thị Được (1955)	13.0
325	Nguyễn Thị Nhân (1965)	393.3
326	Nguyễn Xuân Bùi - Nguyễn Thị Thật	648.0

327	Đào Xuân Khăng - Nguyễn Thị Sáu	150.4
328	Khuất Duy Chi (1942)	294.4
329	Ngô Thị Đắc - Đào Xuân Na	772.9
330	Trần Văn Quyến (1948)	1,237.1
331	Hoàng Thị Huệ (chồng Nguyễn Văn Thiết)	120.0
332	Vương Thị Thảo (1960)	383.6
333	Nguyễn Văn Chương - Trần Thị Bắc	119.6
334	Tăng Thị Đông (1961)	360.0
335	Nguyễn Thị Nhân (1965)	315.5
336	Trần Đức Vây - Ngô Thị Tân	199.7
337	Tăng Thị Đông (1961)	306.0
338	Nguyễn Văn Sinh - Ngô Thị Đạt	758.7
339	Hoàng Văn Tài	4,100.2
340	Quách Đình Cam - Vương Thị Thế	567.8
341	Nguyễn Thị Kim Yến - Nguyễn Xuân Sơn	927.3
342	Nguyễn Thị Thau (1962)	595.1
343	Trần Đức Cảnh - Nguyễn Thị Miên	778.6
344	Lê Trờng Sơn - Đặng Bích Vân	634.5
345	Trần Việt Hùng - Hoàng Anh	1,383.6
346	Ngô Văn Sáu - Nguyễn Thị Thịnh	1,788.9
347	Nguyễn Thị Ngọc Huệ - Kiều Văn Lan	1,887.3
348	Trần Đức Ngọt - Nguyễn Thị Luyện	240.8
349	Lê Thị Vinh - Nguyễn Văn Tiến	318.3
350	Đỗ Thị The - Lộc Minh Tiến	729.5
351	Nguyễn Văn Vinh - Nguyễn Thị Bội	223.9
352	Nguyễn Thị Cúc (1959)	1,186.6
353	Nguyễn Thị Khuyên (chồng Trần Văn Sửu)	343.6
354	Nguyễn Thị Khuyên (chồng Trần Văn Sửu)	1,017.6
355	Hoàng Công Phong - Trần Thị San	937.4
356	Đỗ Văn Củng - Vương Thị Vinh	308.9
357	Nguyễn Thị Loan (chồng Hoàng Văn Phú)	480.0
358	Nguyễn Thị Dán (1934)	640.4
359	Quách Đình Hồng - Ngô Thị Dung	478.9
360	Trần Đức Yên - Nguyễn Thị Loan	1,898.4
361	Nguyễn Thị Chín (1957)	395.4
362	Nguyễn Văn Khích - Chu Thị Hà	555.1
363	Nguyễn Thị Dừa - Phan Ngọc Thọ	364.3
364	Khuất Duy Cát - Kiều Thị Thái	1,971.1
365	Ngô Thị Lai - Nguyễn Quốc Ân	431.3
366	Đào Xuân Khăng(NĐUQ: Đào Thị Hương Thảo)	150.4
367	Nguyễn Văn Cứ - Ngô Thị Nghĩa	715.2
368	Trần Đức Cảnh - Nguyễn Thị Miên	130.0
369	Quách Đình Cam - Vương Thị Thế	144.0
370	Quách Đình Hồng - Ngô Thị Dung	160.0
371	Ngô Gia Năng - Trịnh Thị Côi	214.0
372	Quách Đình Nền - Ngô Thị Bội	161.3
373	Đào Xuân Ngọc - Vương Thị Toàn	570.0
374	Quách Đình Lu - Phùng Thị Tường	25.0
375	Ngô Văn Gia - Vương Thị Niên	160.0
376	Vương Thị Tính (1935)	85.0
377	Lê Thị Thế Hiền	287.0
378	Vũ Đức Thắng - Nguyễn Minh Hà	635.1
379	Vũ Đức Tuấn - Nguyễn Thị Tú	537.8
380	Kiều Văn Trắng - Nguyễn Thị Cúc	2,026.6
381	Bùi Văn Sơn - Hoàng Thị Hương	451.6
382	Nguyễn Văn Tuất - Trần Thị Thu	287.0
383	Lộc Thị Hương (1974)	468.3
384	Vũ Ngọc Trường	1,062.1
385	Lộc Mạnh Hà (1981)	535.7
386	Vũ Mạnh Hùng - Lê Thị Lan Hương	944.2
387	Bùi Văn Sơn - Trần Thị Thúy Nga	622.1
388	Lê Văn Luân - Đỗ Thị Thanh	579.7
389	Đặng Thị Nhung (1971)	1,738.6
390	TRần Đức Hùng - Nguyễn Thị Tân	180.0
391	Nguyễn Quang Dương - Nguyễn Ngọc Dung	315.0
392	Ngô Thị Đoàn (1945)	194.1

393	Nguyễn Tiến Quang - Ngô Thị Huyền	728.9
394	Nguyễn Trọng Khánh - Nguyễn Thị Bích Hà	2,012.6
395	Trần Đức Yên - Nguyễn Thị Loan	636.0
396	Nguyễn Thị Vốn (chồng Vũ Trọng Quyết)	486.8
397	Quách Đình Hồng - Ngô Thị Dung	993.1
398	Trần Đức Liên - Lê Thị Toán	424.0
399	Ngô Đức Lân - Nguyễn Thị Sứ	490.0
400	Tăng Thị Thọ (1950)	424.0
401	Ngô Văn Thôn - Nguyễn Thị Xuân	552.8
402	Quách Đình Cam - Vương Thị Thế	424.0
403	Ngô Đức Tục - Hoàng Thị Quế	636.0
404	Ngô Thị Chụ (1940)	212.0
405	Ngô Thị Năm - Ngô Văn Định	1,204.2
406	Quách Thị Hương (1958)	1,477.1
407	Trần Đức Tý - Nguyễn Thị Thu	469.2
408	Nguyễn Thị Lan (1957)	449.3
409	Tăng Hữu Mộc - Nguyễn Thị Chín	424.0
410	Nguyễn Xuân Bùi - Nguyễn Thị Thật	424.0
411	Vương Thị Tính (chồng Ngô Văn Tính)	624.0
412	Lê Thị Lý (chồng Ngô Văn Nghi)	848.0
413	Trần Đức Cảnh - Nguyễn Thị Miên	430.8
414	Ngô Gia Lạp - Nguyễn Thị Mão	900.7
415	Ngô Thị Hòa - Lê Xuân Hùng	424.0
416	Trần Đức Vây - Ngô Thị Tân	159.0
417	Ngô Văn Chúc - Ngô Thị Ty	848.0
418	Khuất Duy Cát - Kiều Thị Thái	424.0
419	Quách Thị Lành (1960)	224.0
420	Đào Xuân Sâm - Nguyễn Thị Vệt	1,143.2
421	Tăng Hữu Thu - Trần Thị Mai	98.5
422	Nguyễn Văn Nhung - Bùi Thị Nghĩa	288.1
423	Ngô đức Viên - Nguyễn Thị Hồng	534.0
424	Ngô Văn Thông - Kiều Thị Đáp	859.1
425	Ngô Văn Tơ - Nguyễn Thị Gối	890.9
426	Nguyễn Thị Ca (bố Nguyễn Văn Tụng)	897.2
427	Khuất Duy Toàn - Đỗ Thị Hương	494.1
428	Khuất Duy Toàn - Đỗ Thị Hương	424.0
429	Quách Đình Lu - Phùng Thị Tường	1,272.0
430	Quách Thị Lành - 1960	314.6
431	Vũ Đức Thanh - Phùng Thanh Vân	944.2
432		
433	Nguyễn Thị Bằng - 1951	1,762.1
434	Nguyễn Đình Láng - Khương Thị Nghệ	646.8
435	Đỗ Thị Thiếc - Nguyễn Văn Nhuận	589.4
436	Trần Đức Dũng - Nguyễn Thị Hương	700.0
437	Trịnh Thị Ngọc - Văn Tiến Hùng	1,194.0
438	Nguyễn Thị Thu Loan - Bùi Tiến Hùng(NĐUQ: Lê Thị Thu Nguyệt)	665.5
439	Trần Đức Vây - Ngô Thị Tân	1,189.4
440	Ngô Thị Tuyết - 1971	1,293.4
441	Ngô Văn Ngạch - Nguyễn Thị Thanh	424.0
442	Tăng Hữu Sơn - Khuất Thị Phong	979.8
443	Tăng Hữu Hà - Nguyễn Thị Chúc	1,025.7
444	Trần Đức Cảnh - Nguyễn Thị Miên	159.0
445	Ngô Thị Lai - Nguyễn Quốc Ân	150.4
446	Ngô Văn Lành - Ngô Thị Dung	952.7
447	Đình Công Ty - Lê Thị Cúc	424.0
448	Đỗ Văn Cừ - Đỗ Thị Tâm	411.2
449	Quách Đình Nền - Ngô Thị Bột	516.0
450	Quách Đình Nền - Ngô Thị Bột	834.0
451	Đào Xuân Chi - Đình Thị Tân	1,321.5
452	Dương Thị Tâm (Con trai Nguyễn Thế Anh)	530.2
453	Trần Thị Hồng	293.3
454	Nguyễn Đình Ninh	672.0
455	Nguyễn Đức Thuận - Đỗ Thị Tinh	407.4
456	Ngô Văn Ngọt - Trần Thị Sen	441.6
457	Ngô Gia Năng - Trịnh Thị Côi	585.4
458	Lê Thị Chạm - 1936	456.0

459	Vương Thị Từ	414.4
460	Ngô Văn Lành - Ngô Thị Dung	1,894.4
461	Ngô Văn Lễ - Tạ Thị Đề	513.0
462	Ngô Văn Tơ - Nguyễn Thị Gối	765.7
463	Ngô Thị Đắc - Đào Xuân Na	344.0
464	Nguyễn Thị Bích Thủy	3,495.2
465	Kiều Việt Toàn - Nguyễn Thị Bình	2,112.6
466	Nguyễn Ngọc Phương	588.3
467	Nguyễn Xuân Đèo - 1953	1,070.4
468	Khuất Duy Cát - Kiều Thị Thái	455.5
469	Ngô Thị Năm - 1942	1,274.9
470	Trần Đức Liên - Lê Thị Toán	188.0
471	Ngô Thị Hòa - Lê Xuân Hùng	294.4
472	Nguyễn Văn Hào - Lê Thị Sen	668.4
473	Quách Thị Đà - Phạm Văn Tiến	112.2
474	Ngô Thị Lai - Nguyễn Quốc Ân	147.2
475	Nguyễn Thị Nhí - 1940	147.2
476	Vương Thị Tính(Chồng là Ngô Văn Tính (đã chết)	749.3
477	Tăng Hữu Hà - Nguyễn Thị Chúc	322.7
478	Quách Đình Lu - Phùng Thị Tường	337.2
479	Vương Thị Tính (Chồng là Ngô Văn Tính - đã chết)	495.0
480	Đào Thị Na - Khuất Duy Thắng	647.0
481	Ngô Thị Hồng - 1931	943.2
482	Đào Xuân Sâm - Nguyễn Thị Vệt	2,714.4
483	Ngô Thị Chụ (1940)	386.2
484	Nguyễn Thị Tích (1932)	558.0
485	Hoàng Thị Hạ (1963)	400.0
486	Nguyễn Văn Ninh - Nguyễn Thị Lương	3,026.5
487	Nguyễn Đình Kế - Nguyễn Thị Chuyên	1,454.4
488	Nguyễn Đình Thứ - Đỗ Thị Hậu	1,696.7
489	Lê Văn Cờng - Nguyễn Thị Nguyệt	534.6
490	Nguyễn Văn Nguyên - Hoàng Thị Xim	573.3
491	Ngô Văn Quý - Đỗ Thị Chính	190.4
492	Nguyễn Đình Nghi (1947)	694.6
493	Nguyễn Đình Cửu - (1942)	1,018.3
494	Quách Thị Tách – 1950	424.0
495	Nguyễn Đình Nội (1947)	747.5
496	Trần Thị Lan (1952)	118.4
497	Nguyễn Văn An - (Mẹ: Ngô Thị Ty)	308.0
498	Trần Đức Cảnh - Nguyễn Thị Miên	163.9
499	Tăng Hữu Thu - Trần Thị Mai	658.3
500	Nguyễn Thị Đào - Nguyễn Hữu Trung	540.0
501	Đào Quốc Sửu - Hà Tuyết Mai	647.9
502	Ngô Văn Lục - Nguyễn Thị Sang	294.7
503	Ngô Văn Lành - Ngô Thị Dung	326.5
504	Trần Đức Gia - Đào Thị Hiền	1,841.4
505	Trần Đức Chè - Nguyễn Thị Cơ (đã có QĐ THĐ)	280.0
506	Ngô Văn Đờng - Tạ Thị Thu (đã có QĐ THĐ)	369.0
507	Ngô Đức Bang - Nguyễn Thị Hoan	217.0
508	Trần Đức Thất - Đỗ Thị Nga	498.4
509	Ngô Văn Lễ - Tạ Thị Đề	288.2
510	Ngô Thị Tuyết	174.1
511	Nguyễn Tiến Dũng - Nguyễn Thị Kim Loan	1,613.4
512	Trần Đức Hng - Đỗ Thị Sang	3,155.7
513	Quách Đình Lu - Phùng Thị Tởng	45.5
514	Trần Đức Chè - Nguyễn Thị Cơ	424.0
515	Ngô Thị Đoàn - 1945	526.0
516	Đình Quỳnh Giang - 1986	190.1
517	Đỗ Văn Xuất - Ngô Thị Hoa	442.3
518	Trần Văn Đản - Nguyễn Thị Thêu	1,782.3
519	Trần Đức Tiệp - Ngô Thị Đính	813.7
520	Nguyễn Thị Nga - 1966	57.7
521	Ngô Thị Đại (Chồng là Quách Đình Thảo - đã chết)	584.8
522	Trần Đức Hng - Đỗ Thị Sang	228.8
523	Nguyễn Thị Xuân Thủy - 1969	154.2
524	Nguyễn Thị Lâm (con trai Nguyễn Văn Hơ)	1,254.0

525	Nguyễn Văn Quyết - Đỗ Thị Duyên	578.3
526	Đỗ Văn Mùi (bà Nguyễn Thị Tý - đã chết)	403.9
527	Nguyễn Thị Dán (1934)	815.7
528	Nguyễn Hùng Sơn - Khuất Thị Thảo	837.4
529	Nguyễn Văn An - Đào Thị Thanh	765.8
530	Nguyễn Văn Chi - 1926	384.0
531	Trần Đức Chè - Nguyễn Thị Cơ	2,913.4
532	Nguyễn Kim Tới - Trương Thị Tuyết	1,419.9
533	Trần Thị Thanh (nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Củng)	351.4
534	Ng Văn Thao – Ng Thị Hồng Vân(nhận cho tặng từ Nguyễn Văn Tĩnh)	430.0
535	Nguyễn Khắc Phương - Phạm Thị Chút(NĐUQ: Nguyễn Khắc Bình)	726.6
536	Trần Đức Đông - Trần Thị Lê	371.8
537	Nguyễn Thị Lan – 1957	526.4
538	Đỗ Canh - Nguyễn Thị Thủy(chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Liên)	395.8
539	Trương Thị Thanh Bình(nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Thành)	352.1
540	Nguyễn Văn Thắng - Nguyễn Thị Thân	863.7
541	Đỗ Thị Bích Vân (1960)(Nhận chuyển nhượng từ bà Ngô Thị Hồng)	633.0
542	Nguyễn Nguyệt Nhã - Phạm Tân(chuyển nhượng từ ông Trần Đức Liên)	567.8
543	Nguyễn Thị Chín - Tăng Hữu Mộc(chuyển nhượng của ông Ng Xuân Dẻo)	2,650.2
544	Nguyễn Thị Chín (1960)(nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Xuân Dẻo)	1,231.4
545	Đỗ Đức Hậu – 1969(chuyển nhượng từ ông Khuất Duy Chi)	583.1
546	Trần Anh Tuấn - Nguyễn Lê Thu Hà(chuyển nhượng từ bà Ngô Thị Mận)	831.8
547	Ngô Văn Lễ - Tạ Thị Đề	96.0
548	Tăng Hữu Thu - Trần Thị Maicó sự điều chỉnh nguồn gốc đất	424.0
549	Tăng Hữu Mão - Ngô Thị Mến(Nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Văn Sơn)	31.0
550	Trần Văn Đán - Nguyễn Thị Thêu(Nhận cho tặng từ bố, ông Trần Đức Bù)	61.6
551	Ng Văn Đức- Ng Thị Thuyết (nhận cho tặng từ ông Nguyễn Văn Huệ)	396.0
552	Ng Thị Thành - Nguyễn Văn Toàn (chuyển nhượng từ ông Trần Văn Sửu)	355.4
553	Nguyễn Văn D - Nguyễn Thị Đoàn (chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Liên)	703.2
554	Ng Văn Toàn- Ng Thị Thành (chuyển nhượng từ ông Nguyễn Đình Tiến)	753.4
555	Hoàng Văn Phong - Nguyễn Thị Tươi(cho tặng từ bố là Nguyễn Đình Chín)	102.6
556	Nguyễn Đình Thành- 1988(nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Huệ)	451.2
557	Nguyễn Thị Hồng- 1958(Nhận cho tặng từ bố là ông Nguyễn Văn Huệ)	361.0
558	Trần Tuấn Anh - Ng Hoàng Thái (chuyển nhượng từ bà Hoàng Thị Huệ)	727.9
559	Nguyễn Thị Năng(nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Văn Thắng)	1,099.4
560	Ng Thành Chung- Nguyễn Thị Hiền (chuyển nhượng từ ông Trần Văn Sửu)	419.7
561	Trần Đức Chè - Nguyễn Thị Cơ (nhận cho tặng từ bố là ông Trần Đức Lộc)	5.0
562	Nguyễn Thị Chín - Tăng Hữu Mộc (tài sản trên đất công)	1,547.8
563	Võ Quang Anh (chuyển nhượng từ ông Ngô Văn Bình)	139.2
564	Trần Anh Tuấn - Nguyễn Lê Thu Hà(chuyển nhượng từ bà Tăng Thị Đông)	182.2
565	Nguyễn Thị Hoa (mẹ là Nguyễn Thị Huệ - đã chết)	147.2
566	Ngô Văn Sơn - Trịnh Thị Xạ	403.5
567	Nguyễn Ngọc Bích - Đỗ Thị Tĩnh(kiểm đếm theo hồ sơ quản lý)	3,038.4
568	Ngô Văn Xuất - (1960)	804.6
569	Nguyễn Đình Lợt - Vương Thị Tân(kiểm đếm theo hồ sơ quản lý)	502.4
570	Hoàng Thị Nhi - 1967 (Chồng: Đỗ Văn Mùi)	608.3
571	Nguyễn Văn Xuân (Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Hào)	222.2
572	Chu Xuân Bình – 1954(Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Hào)	419.3
573	Nguyễn Đình Chiến (Nhận chuyển nhượng đất từ ông Trần Văn Trọng)	331.7
574	Vũ Hải Vân - Vũ Diệu Hương (nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Hân)	472.5
575	Nguyễn Văn Thành – 1968(Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Huệ)	298.6
576	Vũ Thúy Hà (chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Toàn)	916.1
577	Trần Văn Trọng - Ngô Thị Vê	87.8
578	Vũ Đức Lu (chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Thành)	307.9
579	Ng Đình Tám - Ngô Thị Lâm (nhận chuyển nhượng từ ông Ng Văn Nghĩa)	368.8
580	Phạm Văn Vinh- Nguyễn Hải Yến(chuyển nhượng đất từ ông Ng Văn Huệ)	344.4
581	Võ Quang Anh (bố Võ Văn ắt) (chuyển nhượng từ bà Ngô Thị Mận)	322.3
582	Nguyễn Thị Minh Sang (nhận chuyển nhượng từ ông Đào Xuân Sửu)	50.3
583	Ngô Văn Tĩnh - Bùi Thị Gấm	330.1
584	Nguyễn Văn An – 1933	485.1
585	Nguyễn Văn Tuyển - Nguyễn Thị Khương	407.1
586	Đỗ Văn Mùi – 1963	1,184.6
587	Trần Văn Khôi - Hoàng Thị Diệm	209.3
588	Nguyễn Đình Thao – 1957	292.5
589	Hoàng Thị Dậu (Con trai: Nguyễn Đình Thắng)	325.1
590	Lê Hoàng Lan - Phạm Anh Tuấn(chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tiến Sơn)	2,131.8

591	Nguyễn Thị Lộc – 1954(Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Sinh)	225.0
592	Nguyễn Thành Trung - Phạm Vũ Thiên Nga(chuyển nhượng từ ông Ngô Văn Hường và ông Ngô Văn Yên)	511.0
593	Phùng Xuân Dân - Nguyễn Thanh Chung(Nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Tiến Hưng)	198.1
594	Nguyễn Văn Toàn - Hoàng Thị Phượng(chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tiến Hưng)	135.8
595	Nguyễn Trí Dũng -Lê Thị Hương Giang(chuyển nhượng từ ông Ngô Nhật L-ương; Ngô Gia Lạp; Ngô Văn Nghi)	934.7
596	Nguyễn Thị Phương – 1969(Nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Gia Lạp)	225.0
597	Nguyễn Văn Hớn – 1963(Nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Văn Ngọt)	225.0
598	Ng Hữu Tới- NgThị Hương(chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Quang)	1,696.6
599	Đỗ Thị Tuyết Nga – 1963(Nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Đức La)	225.0
600	Đỗ Thị Cúc – 1960(Nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Văn Tới)	225.0
601	Đào Xuân Thắng - Ngô Thị Ngoan	308.7
602	Lê Văn Hải - Đào Thị Hoa(Nhận chuyển nhượng từ ông Đào Xuân Thắng)	607.8
603	Đình Công Ty - Lê Thị Cúc	72.8
604	Nguyễn Thị Thanh (1974)(Nhận chuyển nhượng từ bà Đào Thị Lợi)	450.0
605	Lê Thị Láng – 1969(Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Cứ)	225.0
606	Ngô Văn Giới - Đào Thị Liên	547.4
607	Ngô Thị Mến - 1982(Nhận cho tặng từ bố là ông Ngô Gia Lạp)	574.1
608	NgVân Hiệp (1974)(chuyển nhượng từ Đào Xuân Luật - Đào Xuân Số)	2,683.1
609	Ngô Thị lan - Nguyễn Trung Quang	254.9
610	Nguyễn Văn Tài - Đào Thị Thơm	106.8
611	Trần Đức Gia - Đào Thị Hiền	318.0
612	Nguyễn Thị Thăng	708.1
613	Đào Xuân Chi - Đình Thị Tân	241.0
614	Ngô Văn Đồng – 1938	525.1
615	Trần Đức Yên - Nguyễn Thị Loan	226.7
616	Đình Công Minh	36.5
617	Đỗ Thị Tính - Nguyễn Ngọc Bích	1,385.1
618	Đào Xuân Bình - Quách Thị Tư	212.3
619	Ngô Văn Ngãi – 1930	3,393.6
620	Hoàng Trung Thuyết - Hoàng Thị Hương	33.0
621	Ngô Văn Quảng – 1985	469.8
622	Đỗ Văn Thành - 1964	573.0
623	Nguyễn Thị Lan (Con trai: Đỗ Quý Vượng)	608.6
624	Trần Văn Toán - Lê Thị Thanh	419.7
625	Trần Văn Toán - Đặng Thị Hương	444.9
626	Đỗ Văn Toán - Nguyễn Thị Hiền	329.3
627	Nguyễn Văn Hùng - Nguyễn Thị Thúy	157.0
628	Đỗ Tăng Gia - Phạm Thị Ca (chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Nghĩa)	1,206.9
629	Đỗ Thị Sáu	465.8
630	Nguyễn Thị Hay - chồng Đỗ Văn Tuất	548.8
631	Đỗ Văn Tới - Ngô Thị Thu Hằng	1,050.3
632	Đỗ Văn Hân	212.9
633	Khuất Thị Duy	198.8
634	Trần Đức Đa - Nguyễn Thị Liên	61.6
635	Ngô Văn Sơn - Trịnh Thị Xạ	556.7
636	Đình Công Minh	63.5
637	Nguyễn Đình Lịch	792.7
638	Đỗ Thị Yên (con trai: Nguyễn Đình Tờng)	445.9
639	Nguyễn Văn Tĩnh - Nguyễn Thị Sinh	3,317.4
640	Đình Quỳnh Giang	360.0
641	Nguyễn Văn Huệ - Nguyễn Thị Thiệu	992.0
642	Phạm Thị Ca (chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Huệ)NDUQ: Đỗ Tăng Hanh – 1957	1,392.3
643	Hoàng Thị Huệ - 1961	592.6
644	Nguyễn Văn Nghĩa - Ngô Thị Huệ	390.0
645	Nguyễn Thị Liên – 1933	200.0
646	Đỗ Văn Năm - Nguyễn Thị Đường	1,250.3
647	Hoàng Văn Thắng - Nguyễn Thị Sản	156.9
648	Nông Quốc Điệp (nhận chuyển nhượng từ ông Trần Đức Bù)	360.0
649	Nguyễn Trường Tú (1965) tài sản trên đất công	496.6
650	Nguyễn Thị Kim Thanh (tài sản trên đất công)	697.7
651	Nguyễn Trờng Tú – 1965 (tài sản trên đất công)	399.2

652	Ngô Thị Ngo (1966) (tài sản trên đất công)	2,711.9
653	Nguyễn Thị Kim Thanh (tài sản trên đất công)	757.4
654	Nguyễn Thị Kim Thanh (tài sản trên đất công)	468.8
655	Nguyễn Thị Kim Thanh (tài sản trên đất công)	1,014.8
656	Nguyễn Thị Kim Thanh (tài sản trên đất công)	641.4
657	Nguyễn Thị Thanh Hương (1956) Tài sản trên đất công	1,313.5
658	Hoàng Thúy Hà - 1957(Tài sản trên đất công)	319.6
659	Nguyễn Tuấn Dũng (1982) Tài sản trên đất công	759.8
660	Nguyễn Thị Kim Thanh (1961)(Tài sản trên đất công)	180.9
661	Nguyễn Thị Kim Thanh(Tài sản trên đất công)	217.3
662	Ng Thị Kim Thanh - 1961 (chuyển nhượng từ ông Hoàng Văn Thương)	659.5
663	Nguyễn Thế Anh (1984)	241.6
664	Vũ Thị Diệp (1957) Nhận chuyển nhượng từ bà Hoàng Thị Huệ	224.7
665	Hoàng Thị Hào(Nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Văn Thương)	916.9
666	Nguyễn Văn Tạ (Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Xuân Bùi)	1,362.0
667	Ngô Xuân Thóa - Lê Thị Nga	1,406.8
668	Nguyễn Duy An(Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Xuân Bùi)	1,193.0
669	Nguyễn Thị Chăm(Nhận chuyển nhượng từ ông Quách Đình Cam)	719.4
670	Phí Văn Việt(nhận chuyển nhượng từ ông Trần Đức Hùng)	313.8
671	Nguyễn Thị Yến (nhận chuyển nhượng từ ông Quách Đình Cam)	313.2
672	Nguyễn Trung Hiếu(nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Văn Ngãi; ông Ngô Văn Ngạch)(Kiểm đếm theo hồ sơ quản lý)	1,196.1
673	Nguyễn Xuân Dèo 1950	356.2
674	Ngô Văn Chúc - Ngô Thị Ty	25.9
675	Ngô Văn Lễ - Tạ thị Đề	190.9
676	Ngô Văn Giới - Đào Thị Liên	461.6
677	Đào Xuân Hùng - Ngô Thị Thảo (chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Tới)	511.7
678	Trần Đức Nhân - Đỗ Thị Đình	123.1
679	Đình Công Thoa - Phùng Thị Mai	384.0
680	Ngô Thị Hoa - Đỗ Văn Xuất	1,128.0
681	Trần Đức Việt - Bùi Thanh Thủy	759.8
682	Quách Đình Thuận	99.0
683	Hồ Thị Nghĩa (Kiểm đếm theo hồ sơ quản lý)	3,443.9
684	Trần Văn Dỹ - Nguyễn Thị Cầu(Kiểm đếm theo hồ sơ quản lý)	125.8
685	Trần Văn Trọng - Ngô Thị Vê	998.0
686	Ngô Văn Cường - Chu Thị Thủy	424.0
687	Nguyễn Thị Nhân	424.0
688	Hoàng Anh Thắng	1,684.5
689	Nguyễn Thị Miến (Nguyễn Thị Yêu)	395.2
690	Đỗ Anh Tài - Nguyễn Thị Tuyết	216.0
691	Hồ Thị Nghĩa (Kiểm đếm theo hồ sơ quản lý)	909.7
692	Trần Văn Ngọc - Lê Thị Tính	526.5
693	Quách Thị Hương	86.3
694	Đỗ Văn Hồng - Nguyễn Thị Ngà	343.7
695	Nguyễn Văn Nhung - Bùi Thị Nghĩa	365.7
696	Đào Xuân Chi - Đình Thị Tân	361.1
697	Vũ Thị Bốn	507.6
698	Nguyễn Thị Nụ	507.7
699	Đào Văn Trinh - Nguyễn Thị Oanh	254.1
700	Đào Thị Chiên	254.0
701	Ngô Văn Lam - Nguyễn Thị Hằng	317.0
702	Lê Xuân Hùng - Ngô Thị Hòa	221.2
703	Cần Thị Kim Trúc	154.6
704	Lê Xuân Hùng - Ngô Thị Hòa	100.0
705	Quách Thị Hương	417.2
706	Ng Công Hoan (Kiểm đếm theo hồ sơ quản lý)	378.3
707	Ngô Xuân Thóa - Lê Thị Nga (kiểm đếm theo hồ sơ quản lý)	917.1
708	Ngô Văn Thôn - Nguyễn Thị Xuân	548.1
709	Đào Thị Lợi	248.2
710	Ngô Gia năng - Trịnh Thị Côi	146.4
711	Đào Xuân Ngọc - Vương Thị Toàn	246.7
712	Trần Đức Gia	34.5
713	UBND xã Bình Yên	210.3
714	Trần Thị Hợi	93.2
715	Nguyễn Thị Lan	60.1
716	Đào Quốc Bảo - Nguyễn Thị Bích Phượng	101.6

717	Đào Xuân Khăng - Nguyễn Thị Sáu	301.0
718	UBND xã Bình Yên	424.8
719	Nguyễn Văn Sinh - Ngô Thị Đạt	357.3
720	Ngô Thị Đại	63.5
721	Ngô Văn Giới	47.6
722	Ngô Văn Ngãi	63.6
723	Quách Đình Cam	260.6
724	Đào Xuân Luật	86.5
725	Ngô Văn Sơn	96.0
726	Quách Đình Hùng	55.6
727	Trần Đức hng - Đỗ Thị Sang	848.0
728	Ngô Văn Tuyển	207.8
729	Phạm Thị Tám - Nguyễn Khắc Bình	87.8
730	Nguyễn Văn Nghĩa - Ngô Thị Huệ bổ sung tài sản	-
731	Đỗ Văn Hân	60.0
732	Nguyễn Thị Bảo – 1962 bổ sung tài sản	94.9
733	Đào Xuân Nê - Tạ Thị Nghi	593.7
734	Trần Đức Chè - Nguyễn Thị Cơ	404.7
735	Đỗ Văn Cừ (1957)(Mẹ Nguyễn Thị Xuyên; bà Vũ Thị Kinh - đã chết)	253.4
736	Đỗ Văn Huỳnh - Nguyễn Thị Sâm	172.3
737	Nguyễn Thị Lý (chồng Phạm Ngọc Khiên - đã chết)	450.4
738	Ngô Thị Năm	28.0
739	Ngô Thị Tích	141.1
740	Trần Đức Gia	198.4
741	Nguyễn Văn Cừ - Ngô Thị Nghĩa	29.5
742	Ngô Văn Tường	55.8
743	Ngô Văn Thông - Kiều Thị Đáp	23.1
744	Ngô Văn Sơn - Trịnh Thị Xạ	220.6
745	Nguyễn Thị Hoa	389.5
746	Ngô Xuân Thủy	137.8
747	UBND xã Bình Yên	1,440.2
748	Ngô Văn Đồng - Khuất Thị Thái	8.2
749	Trần Đức Chè	61.3
750	Ngô Văn Thất	123.1
751	Nguyễn Văn Đồng - Nguyễn Thị Oanh	238.7
752	Quách Đình Nghĩa - Tạ Thị Mai	351.9
753	Trần Đức Liên	291.2
754	TRần Đức Hùng - Ngô Thị Hoa	628.0
755	Ngô Gia Lập	309.0
756	Vương Thị Thảo	437.0
757	Ngô Văn Hường	435.0
758	Đào Xuân Sở	420.0
759	Đào Xuân Thanh	432.0
760	Ngô Văn Sơn	250.0
761	Khuất Duy Đạt	137.0
762	Trần Đức Thất	629.5
763	Lê Xuân Hùng - Ngô Thị Hòa	145.0
	Tổng cộng	527,442.7